

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Hải Yến

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG S.V.A**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Vũ Thị Hải Yến

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Hải Yến

Mã SV: 1112401221

Lớp : QT1502K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)
 - Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Sử dụng số liệu kế toán của Công ty cổ phần xây dựng S.V.A năm 2014
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp
Công ty cổ phần xây dựng S.V.A

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Vũ Thị Hải Yến

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS.Nguyễn Thị Mai Linh

Hải phòng, ngày....tháng....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2014). Số liệu minh họa giữa chứng từ và sổ sách có tính logic và chính xác cao.

Chương 3, sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.1.3. Các khái niệm cơ bản.	3
1.1.3.1 Doanh thu.	3
1.1.3.2. Chi phí.	5
1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	7
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	11
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	12
1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán.	13
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	15
1.2.3.2. Phương pháp hạch toán	18
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	20
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	20

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	20
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	21
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	23
1.2.5.1. chứng từ sử dụng.....	23
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	23
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	23
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	25
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	25
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	28
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A.	34
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	34
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần xây dựng S.V.A....	34
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần xây dựng S.V.A	35
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	36
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	36
2.1.3.2 Chính sách và phương pháp kế toán.	37
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản.....	38
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.	38
2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.	39
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	39
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	39
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.....	39
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.....	39

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....	39
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....	40
2.2.1.5. Ví dụ minh họa.....	41
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	45
2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty.....	45
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	45
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	45
2.2.2.4. Quy trình hạch toán.....	45
2.2.2.5. Ví dụ minh họa.....	47
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	52
2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp.....	52
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	52
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	52
2.2.3.4. Quy trình hạch toán.....	52
2.2.3.5. Ví dụ minh họa.....	53
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	57
2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.....	57
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	57
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	57
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	57
2.2.4.5. Ví dụ minh họa.....	58
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	62
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	62
.....	62
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	62
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	62
2.2.6.3. Quy trình hạch toán.....	62
2.2.6.5. Ví dụ minh họa.....	63

CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A.	71
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.	71
3.1.1. Ưu điểm.....	71
3.1.2. Hạn chế.....	72
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.	73
3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	73
3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	73
3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	74
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.	75
3.2.4.1. Hoàn thiện hệ thống sổ sách tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	75
3.2.4.2. Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ.....	79
3.2.4.3. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	80
3.2.4.5. Hoàn thiện việc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.....	85
KẾT LUẬN	90
TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.	15
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	16
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	19
Sơ đồ 1.5: Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.5.....	21
Sơ đồ 1.6: Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6	23
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.	28
Sơ đồ 1.8 : Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.	29
Sơ đồ 1.9 : Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh	30
Sơ đồ 1.10 : Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	31
Sơ đồ 1.11: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- chứng từ.....	31
Sơ đồ 1.12. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Kế toán máy.	33
Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần xây dựng S.V.A.	35
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán Công ty cổ phần xây dựng S.V.A ...	37
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	38
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	40
Biểu 2.1. Hóa đơn GTGT số 0000065	42
Biểu 2.2. Sổ nhật ký chung	43
Biểu 2.3. Sổ cái TK 511	44
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.....	46
Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty cổ	

phần xây dựng S.V.A	52
Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A	57
Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.	62
Sơ đồ 2.9. Sơ đồ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí năm 2014 tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A	63
Biểu 2.3. Bảng kê chi phí và tính giá thành	48
Biểu 2.4. Phiếu kế toán.....	49
Biểu 2.5. Nhật ký chung.....	50
Biểu 2.6. Sổ cái TK 632	51
Biểu 2.7. Bảng sao kê tài khoản chi tiết.....	54
Biểu 2.8 . Sổ nhật ký chung	55
Biểu 2.9 . Sổ cái TK 642	56
Biểu 2.10. Bảng sao kê tài khoản chi tiết.....	59
Biểu 2.11 . Sổ nhật ký chung	60
Biểu 2.12. Sổ cái TK 515	61
Biểu 2.13. Phiếu kế toán số 15	64
Biểu 2.14. Phiếu kế toán số 16.....	64
Biểu 2.15. Phiếu kế toán số 17	65
Biểu 2.16. Phiếu kế toán số 18.....	65
Biểu 2.17. Phiếu kế toán số 19.....	66
Biểu số 2.18. Sổ nhật ký chung.....	67
Biểu 2.19. Sổ cái TK 911	68
Biểu 2.20. Sổ cái TK 821	69
Biểu 2.21. Sổ cái TK 421	70
Biểu 3.1. Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh	76
Biểu 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	78
Biểu 3.3: Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2014.....	88
Biểu 3.4: Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi	89

LỜI MỞ ĐẦU

Sự ra đời và phát triển của kế toán gắn liền với sự phát triển của nền sản xuất xã hội. Xã hội càng ngày càng phát triển thì kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế. Tất cả các thông tin liên quan đến quá trình hoạt động của doanh nghiệp đều được kế toán thu thập, xử lý và tổng kết một cách kịp thời. Tuy có nhiều loại hình kinh doanh khác nhau nhưng muốn đứng vững trên thị trường thì sự quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp là làm thế nào để sản phẩm hàng hóa dịch vụ của mình tiêu thụ trên thị trường và được thị trường chấp nhận.

Cuối kỳ việc kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng đều nhằm xác định được lãi lỗ ra sao và tìm nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp mà đưa ra phương án kinh doanh có hiệu quả hơn.

Nhận thức được tầm quan trọng, tính thiết thực của công việc kế toán, vận dụng lý thuyết đã được học tập tại trường và thực tế qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A. Em đã chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng S.V.A***” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương :

Chương I : Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A

Chương III : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Vũ Thị Hải Yến

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng, giúp doanh nghiệp quản lý được tổng doanh thu và thu nhập khác, tổng chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán và nắm được mọi hoạt động của đơn vị thông qua các chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh. Quản lý tốt chi phí, tăng doanh thu, xác định kết quả kinh doanh chính xác giúp doanh nghiệp hiểu rõ các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy giúp doanh nghiệp đạt được hiệu quả trong kinh doanh. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được thông tin, số liệu cần thiết cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

✓ Xác định tất cả doanh thu và các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ, phản ánh kịp thời các khoản giảm trừ doanh thu để xác định chính xác doanh thu thuần.

✓ Theo dõi thuế GTGT đầu ra, tình hình sử dụng hóa đơn và theo dõi các khoản phải thu khách hàng.

✓ Xác định đúng đối tượng tính giá thành và hạch toán chính xác giá vốn công trình. Phản ánh vào nội dung chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh

ng nghiệp phải đảm bảo đúng nội dung theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

✓ Tính doanh thu, lợi nhuận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho Ban Giám đốc.

✓ Lập bảng so sánh tình hình hoạt động giữa các kỳ của công ty, đưa ra những ưu điểm phát huy và nhược điểm cần phải khắc phục.

1.1.3. Các khái niệm cơ bản.

1.1.3.1 Doanh thu.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. (Theo chuẩn mực kế toán số 14 – “ Doanh thu và thu nhập khác”, ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ tài chính)

Các loại doanh thu

➤ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh thì doanh thu được ghi nhận

trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Doanh thu bán hàng nội bộ.**

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Chiết khấu thương mại : là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng với số lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán : là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách, lạc hậu.
- Hàng bán bị trả lại : là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp(theo phương pháp trực tiếp) : Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỉ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt : là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất : rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...
- Thuế xuất khẩu : là loại thuế thu vào các mặt hàng được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới giữa các quốc gia.

➤ **Doanh thu thuần** : là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính**: Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

➤ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là những khoản góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu từ các hoạt động tạo ra doanh thu (Chuẩn mực kế toán số 14)

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế Ngân sách Nhà nước hoàn lại.
- Thu nhập từ biếu tặng bằng tiền, hiện vật ...
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.1.3.2. Chi phí.

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán số 01 – “ Chuẩn mực chung”, ban hành theo QĐ số 165/2002/QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002)

Chi phí bao gồm:

- Giá vốn hàng bán: Là giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ, xuất bán trong kỳ.

- Chi phí bán hàng : khoản chi phí phát sinh thực tế trong quá trình bán hàng chi phí quảng cáo, giới thiệu ...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp : là các khoản chi phí chung quản lý doanh nghiệp gồm chi phí về lương nhân viên, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định,...

- Chi phí tài chính : là những khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh , liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...

- Chi phí khác: là những khoản chi phí (lỗ) phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng khác với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp : là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp bị hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của 1 năm tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã đc ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện sau một thời kỳ bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm :

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh

nghiep.

$$\text{Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD} = \text{DT bán hàng và cung cấp DV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{CP bán hàng và CP quản lý DN}$$

❖ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Lợi nhuận HĐ tài chính} = \text{DT hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

❖ Kết quả hoạt động khác : Là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác, chi phí thuế TNDN

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

❖ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : là tổng số của lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

❖ Lợi nhuận sau thuế TNDN : là số lợi nhuận cuối cùng sau khi đã nộp thuế TNDN.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- + Bảng thanh toán hàng đại ý, ký gửi.
- + Hợp đồng mua bán
- + Các chứng từ thanh toán như : Phiếu thu, giấy báo có...
- + Các chứng từ liên quan khác như : Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh trong các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

* **Bên Nợ:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- DTBH bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.

* **Bên Có:**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

+ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

+ Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa

TK5112 : Doanh thu bán thành phẩm

TK5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

TK 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

TK 5118 : Doanh thu khác.

➤ **Tài khoản 512 : Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp trong

một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Kết cấu của tài khoản này như sau:

*** Bên Nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

*** Bên Có:**

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị được thực hiện trong kỳ kế toán.

- Kết chuyển doanh thu tiêu thụ nội bộ vào TK 911

+ Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm

TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ **Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh số chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp được giảm trừ hoặc đã thanh toán với người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi tên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng)

+ Kết cấu của tài khoản này như sau:

*** Bên Nợ:** Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

*** Bên Có:** Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

➤ **Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại.**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng

bán bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bán bị trả lại phản ánh trên TK này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hóa đã bán ra trong kỳ báo cáo.

+ *Kết cấu của tài khoản này như sau:*

* **Bên Nợ:** Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào các khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

* **Bên Có:** Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ của TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần.

+ TK 531 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán.**

Dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý các khoản giảm giá hàng bán trong kỳ hạch toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng theo quy cách trong hợp đồng kinh tế.

+ *Kết cấu của tài khoản này như sau:*

* **Bên Nợ:** Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

* **Bên Có:** kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc “Doanh thu nội bộ”.

➤ **Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.**

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa Doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

+ *Kết cấu của tài khoản này như sau:*

* **Bên Nợ:** - Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.

- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp đã nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.

- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

* **Bên Có:**

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.

- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào Ngân sách nhà nước.

- + Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có)
- + Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2, trong đó để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng tài khoản 3331, 3332, 3333.

Tài khoản 3331 : Thuế GTGT phải nộp

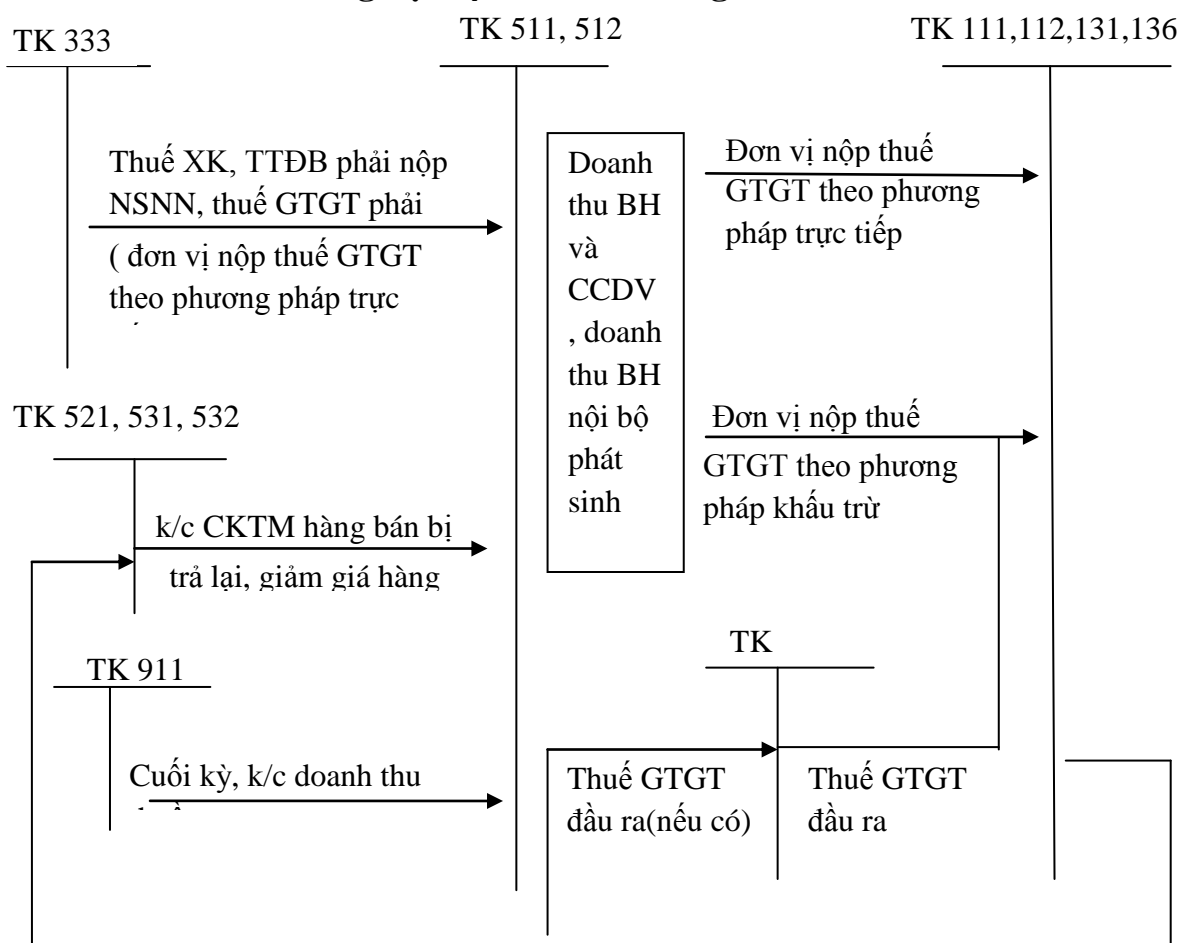
Tài khoản 3332 : Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333 : Thuế xuất, nhập khẩu

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1.

Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.



Chiết khấu thương mại, hàng hóa bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành của sản phẩm xây lắp (đối với DN xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra tài khoản này dùng phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

+ Kết cấu TK 632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên

* Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

* Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK “Xác định kết quả kinh doanh”
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

+ Kết cấu TK 632 trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

* Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

*** Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là đã tiêu thụ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm cuối kỳ.

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911

+ TK 632 không có số dư cuối kỳ

➤ Ngoài ra nếu doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì còn sử dụng **TK 631 – “ giá thành sản xuất”**

Tài khoản này phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

+ Kết cấu của tài khoản này như sau:

*** Bên Nợ:**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

*** Bên Có:**

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

+ TK 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 – “ Hàng tồn kho” (Ban hành theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng BTC), thì việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị

tung loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. giá trị trung bình có thể được tính theo từng thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập hàng về.

- Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

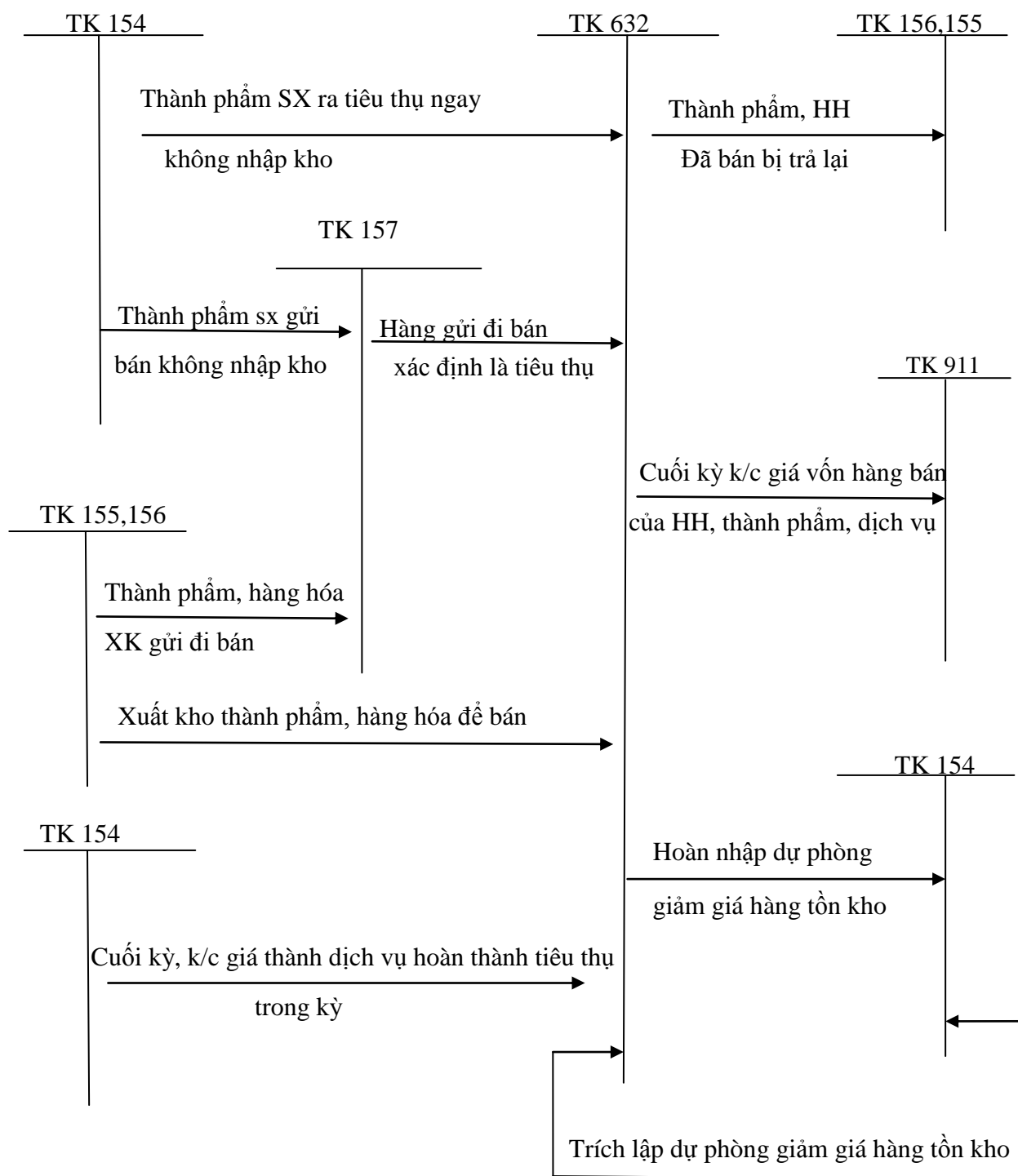
- Phương pháp nhập trước, xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá xuất kho được tính theo giá của lần nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ trước còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau, xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn.

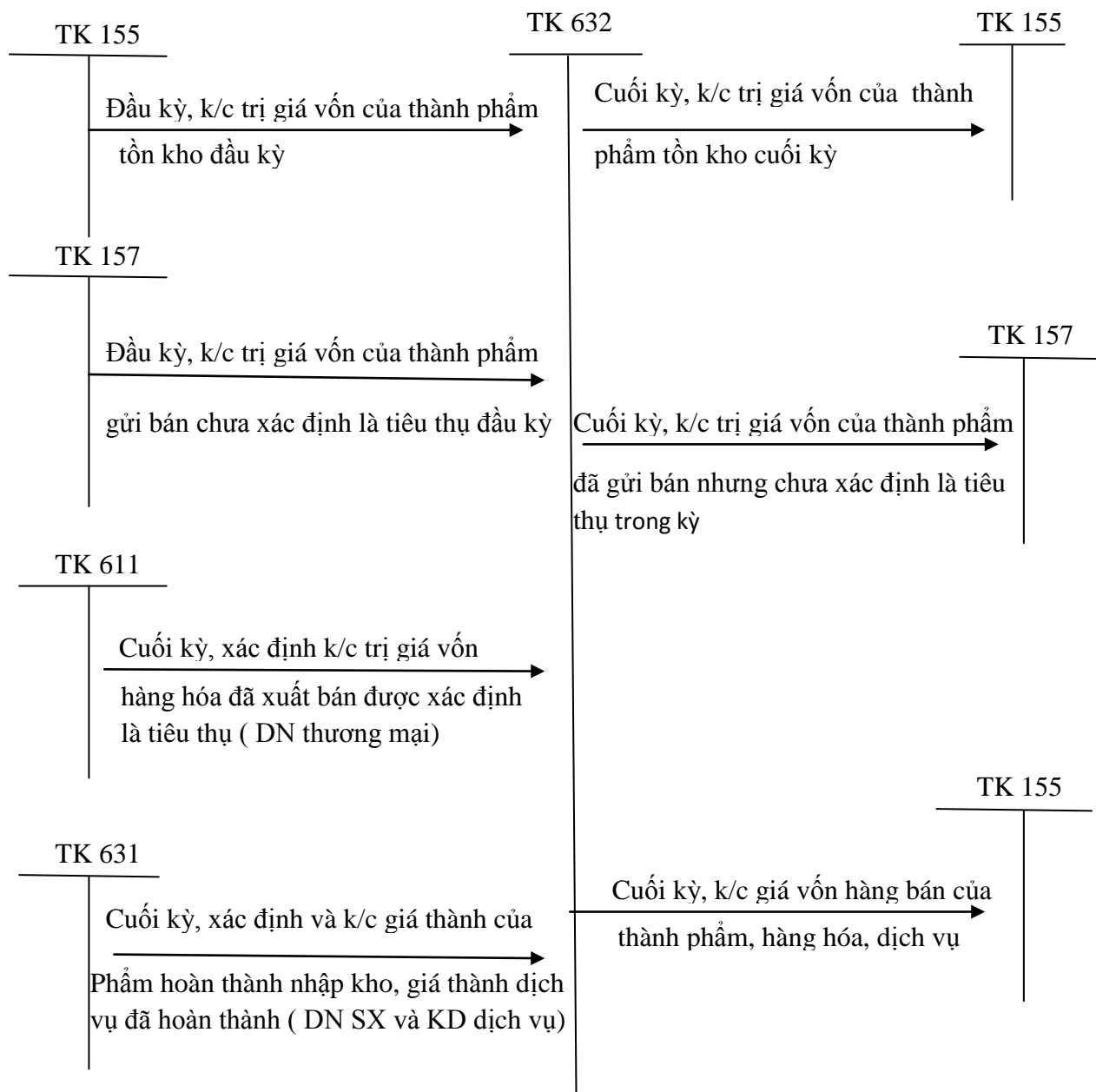
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Phiếu xuất kho
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 – chi phí bán hàng

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành...

+ Kết cấu :

* **Bên Nợ:** Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ.

* **Bên Có:** Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ
- Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:
 - +TK 6411: chi phí nhân viên
 - +TK 6412: phí vật liệu bao bì
 - + TK 6413: chi phí dụng cụ đồ dùng
 - + TK 6414 : chi phí khấu hao TSCĐ
 - + TK 6415: Chi phí bảo hành
 - + TK 6417 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho doanh nghiệp...

- Kết cấu tài khoản:*** Bên Nợ:**

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

*** Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản “ Xác định kết quả kinh doanh”

+ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

+ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

TK 6421: chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 : chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424 :chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí

TK 6426: chi phí dự phòng

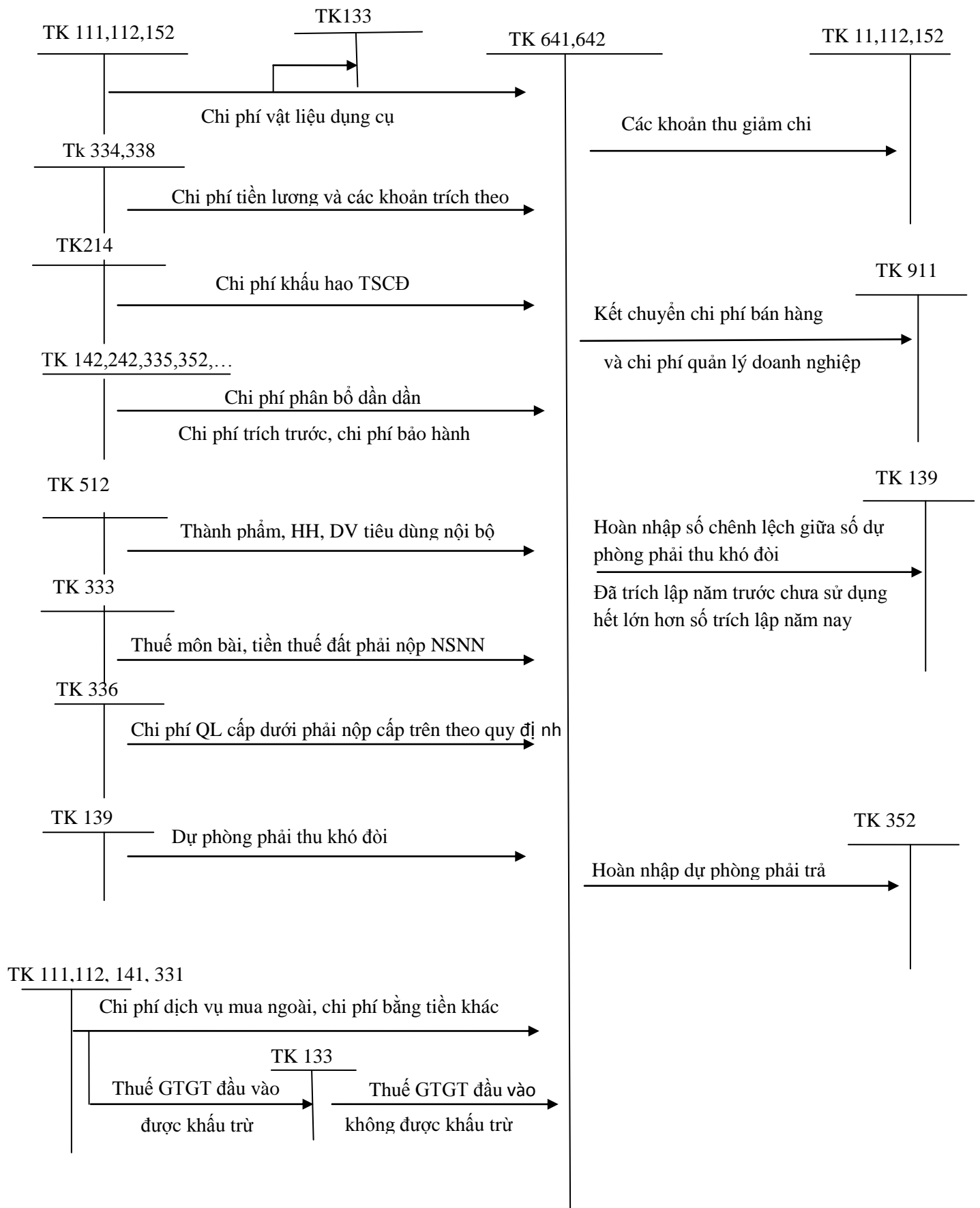
TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 : Chi phí khác bằng tiền

1.2.3.2. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.4.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.



1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Kết cấu: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

***Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

*** Bên Có:**

- Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận.
 - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng.
 - Lãi tỷ giá hối đoái.
 - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- + Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự

phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

- Kết cấu của tài khoản :

*** Bên Nợ:**

- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do cuối thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính.

*** Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.5.

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1. chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Biên bản góp vốn liên doanh.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường,...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 711- Thu nhập khác

Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Kết cấu của tài khoản:

*** Bên Nợ :**

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển thu nhập khác sang tài khoản “ Xác định kết quả kinh doanh”

*** Bên Có:** Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

+ TK 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811- Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

*** Bên Nợ :** Các khoản chi phí khác phát sinh

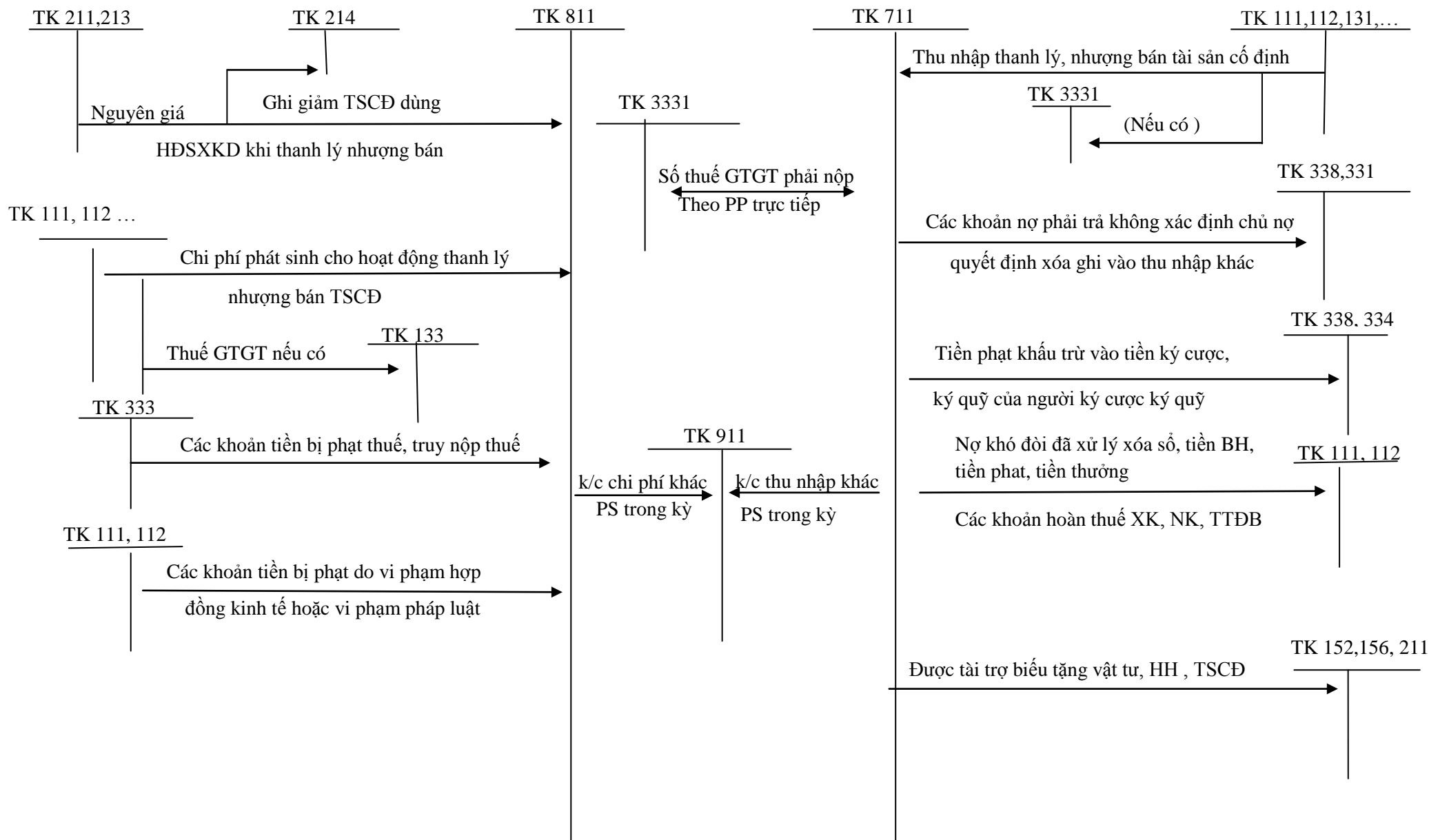
*** Bên Có:** Kết chuyển chi phí khác vào TK “ Xác định kết quả kinh doanh”

+ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua

sơ đồ 1.6



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.**

Phiếu kế toán kết chuyển.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

- Kết cấu:

*** Bên Nợ :**

- Trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán.
- Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

*** Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.

- Kết chuyển lỗ.

+ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

- Kết cấu:

*** Bên Nợ :**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành năm hiện tại.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK “ Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK “ Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK “ Xác định kết quả kinh doanh”

*** Bên Có:**

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại

- kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK “ Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK “ Chi phí thuế tNDN hiện hành” lớn hơn số phát sinh bên Có TK “ Chi phí thuế TNDN hiện hành” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK “ Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

- TK 821 có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 8211 : Chi phí thuế TNDN hiện hành.

Tài khoản 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

❖ Tài khoản 421- lợi nhuận chưa phân phối.

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Kết cấu:

*** Bên Nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

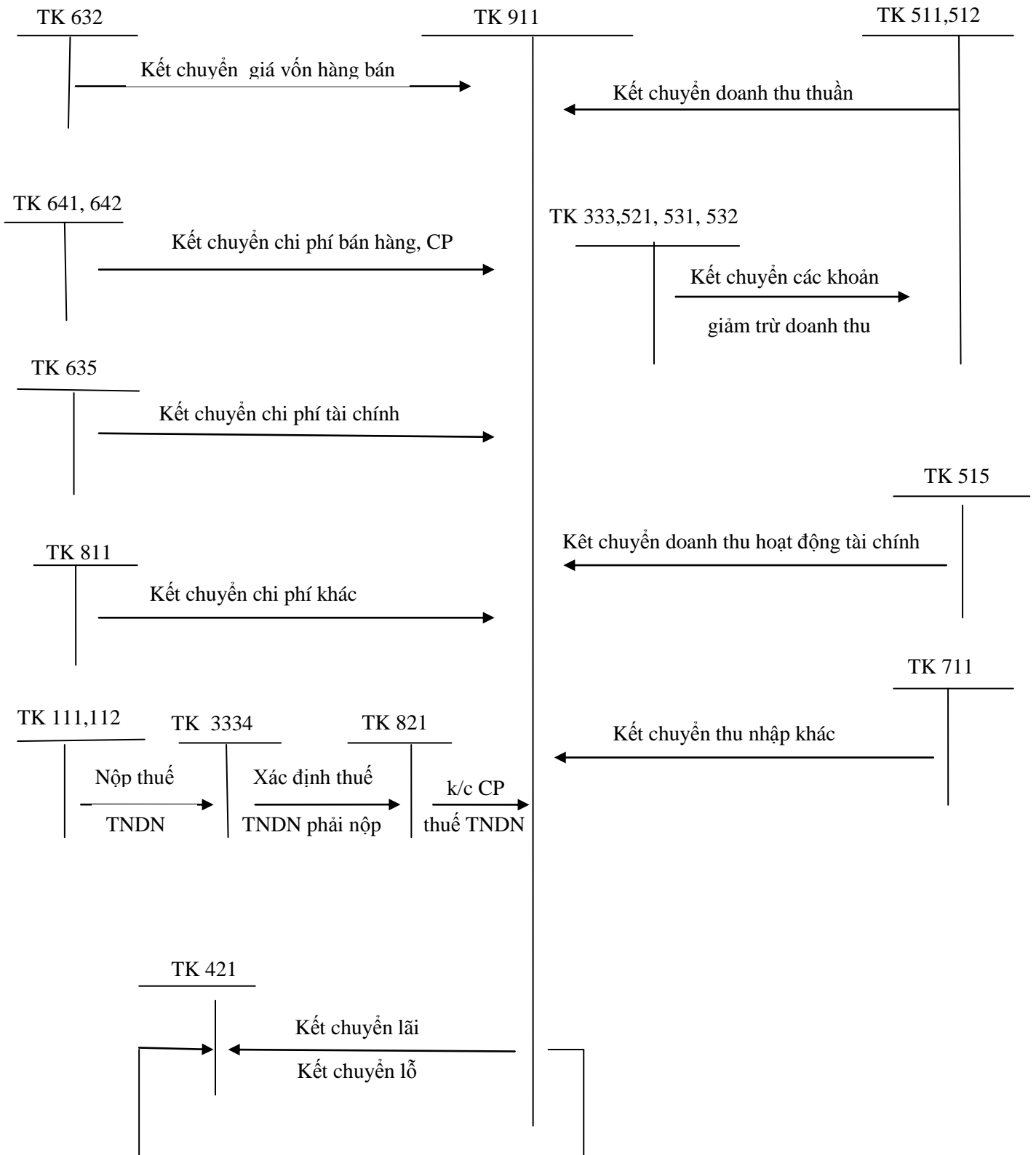
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

*** Bên Có:**

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư bên Có.
- TK 421 có 2 tài khoản cấp 2:
TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
TK4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

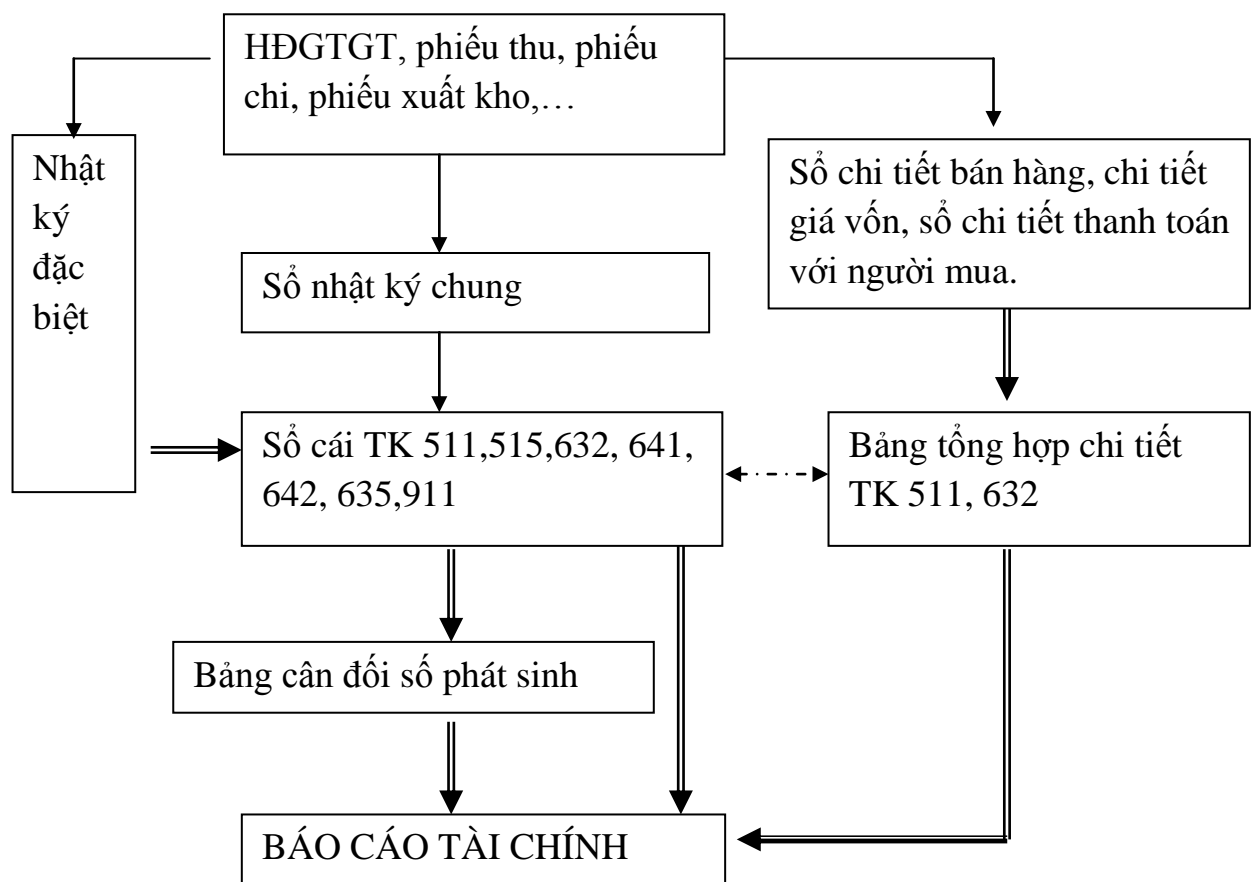


1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ **Hình thức nhật ký chung** : kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Nhật ký chung
- Sổ nhật ký đặc biệt, sổ nhật ký bán hàng
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.8 : Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>

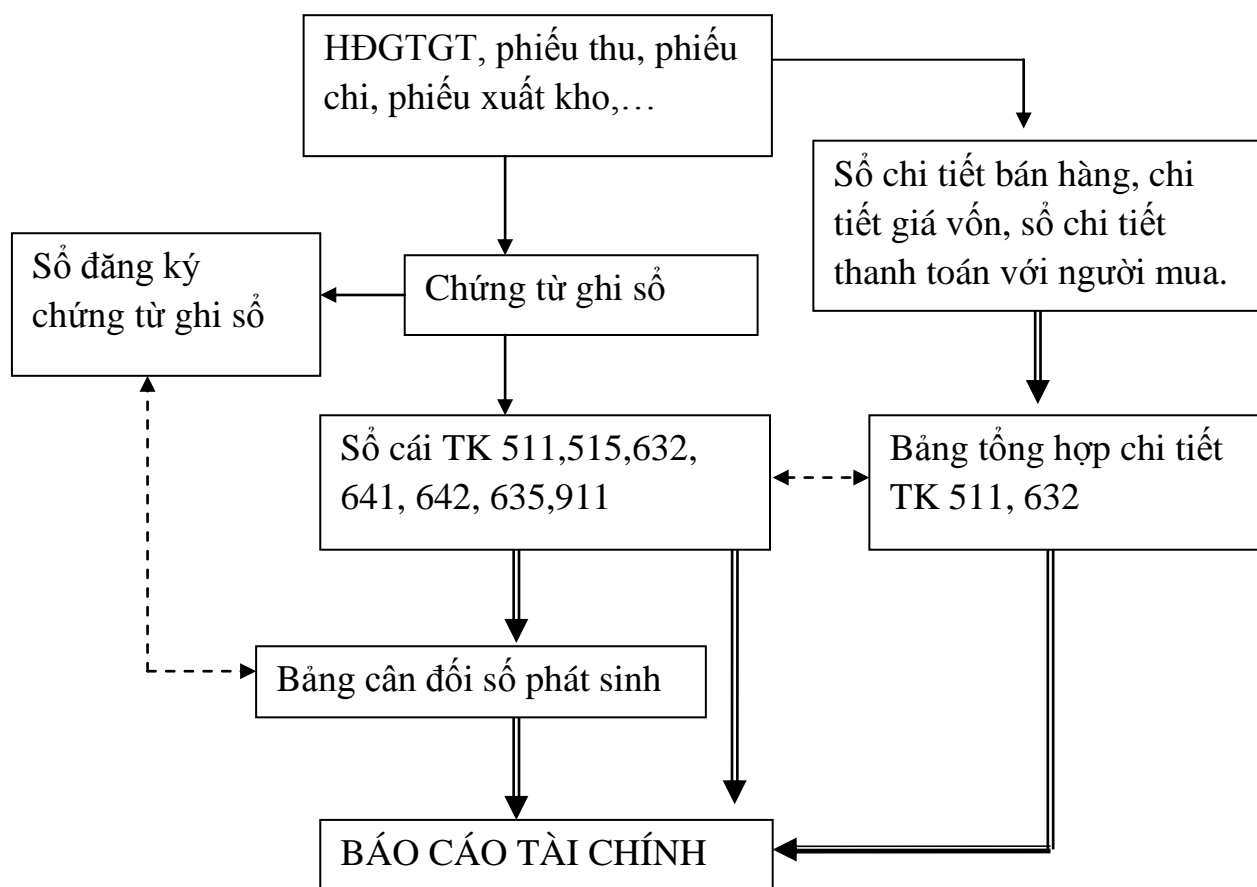
Quan hệ đối chiếu kiểm tra <- - - ->

❖ **Hình thức chứng từ ghi sổ:** kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.9.

Sơ đồ 1.9 : Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>

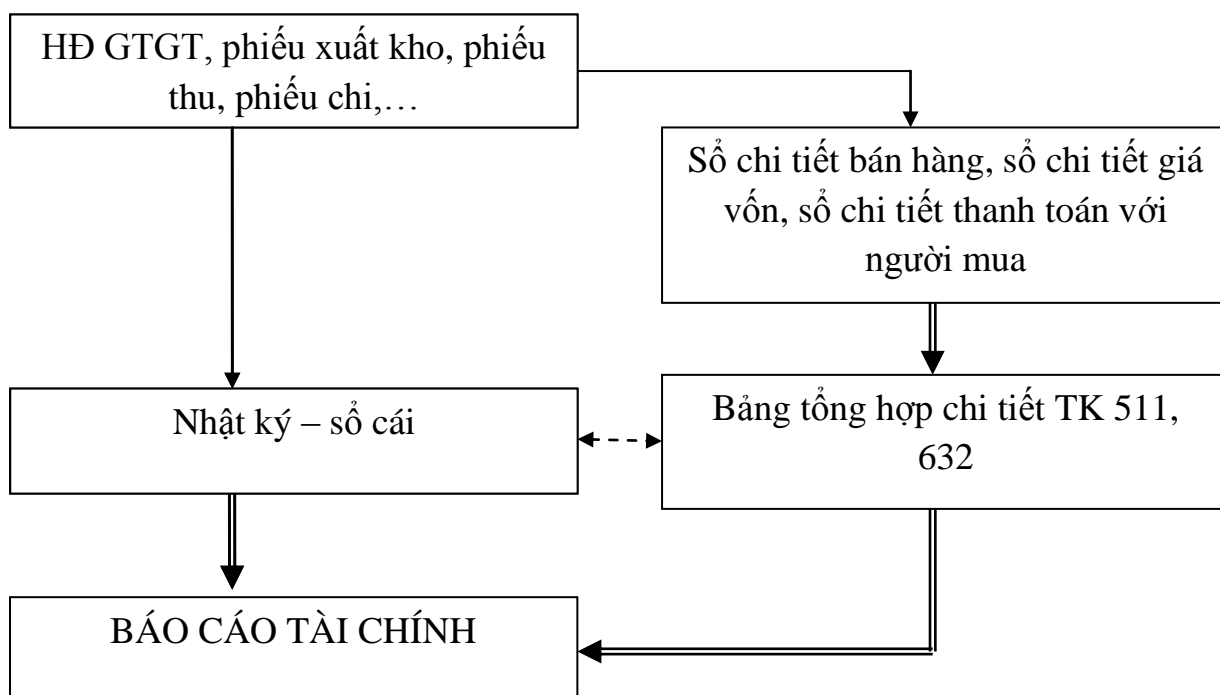
Quan hệ đối chiếu kiểm tra <- - - - ->

❖ **Hình thức Nhật ký – Sổ cái:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng sổ sau:

- Sổ nhật ký – sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- sổ cái thể hiện qua sơ đồ 1.10

Sơ đồ 1.10 : Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

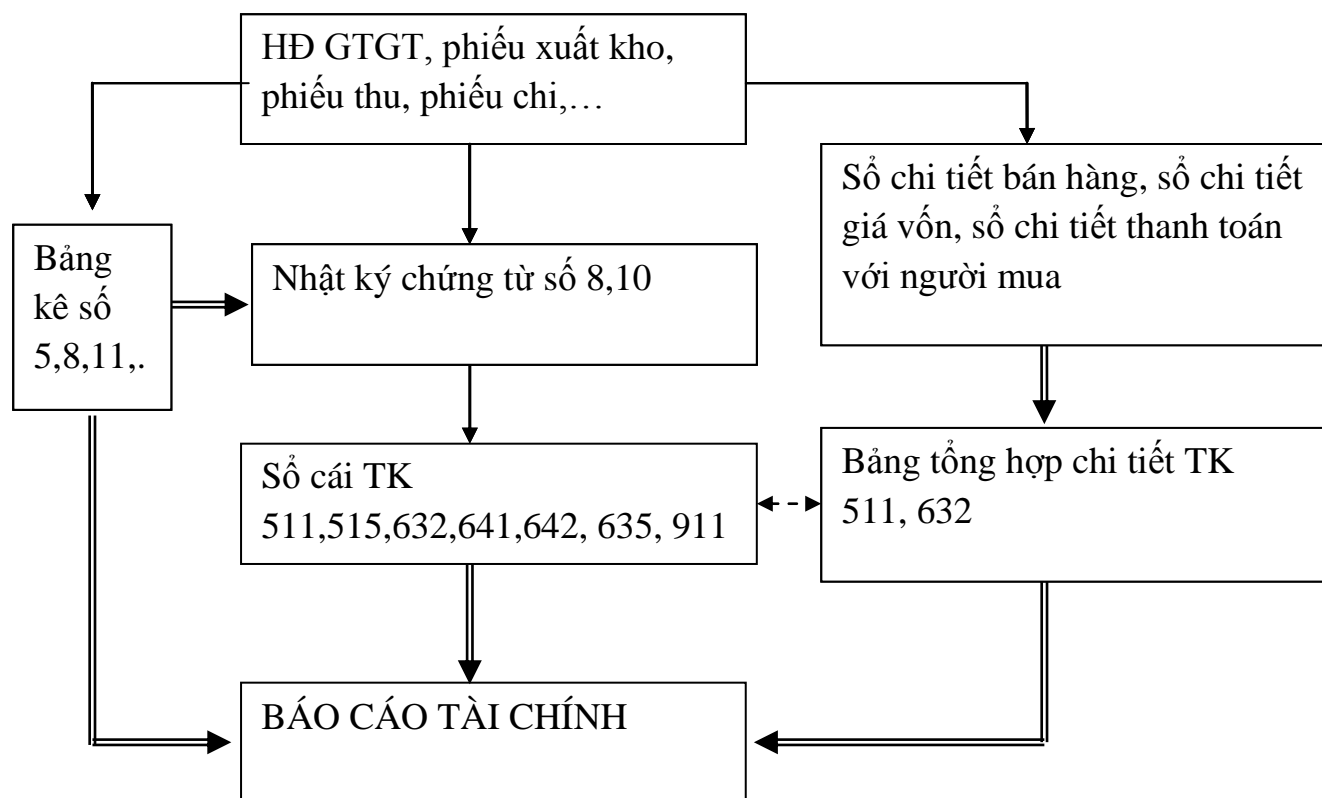
Quan hệ đối chiếu kiểm tra $\longleftarrow \text{-----} \longrightarrow$

❖ **Hình thức Nhật ký – Chứng từ :** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- chứng từ được thể hiện qua sơ đồ 1.11

Sơ đồ 1.11: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

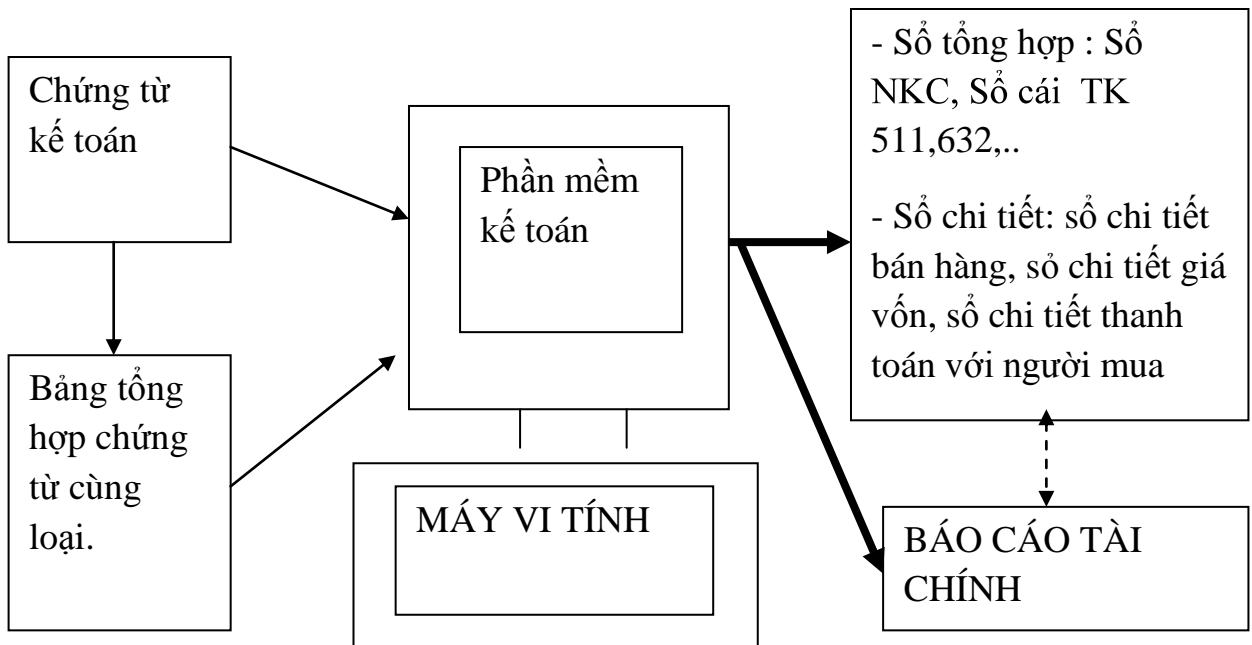
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ =====>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra <----->

❖ **Hình thức kế toán máy**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy trên vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy tính thiết kế theo từng hình thức kế toán nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ bằng tay.

Sơ đồ 1.12. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Kế toán máy.



GHI CHÚ :

- Nhập số liệu hàng ngày \longrightarrow
- In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm \longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu $\longleftarrow \text{-----} \longrightarrow$

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A.

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần xây dựng S.V.A

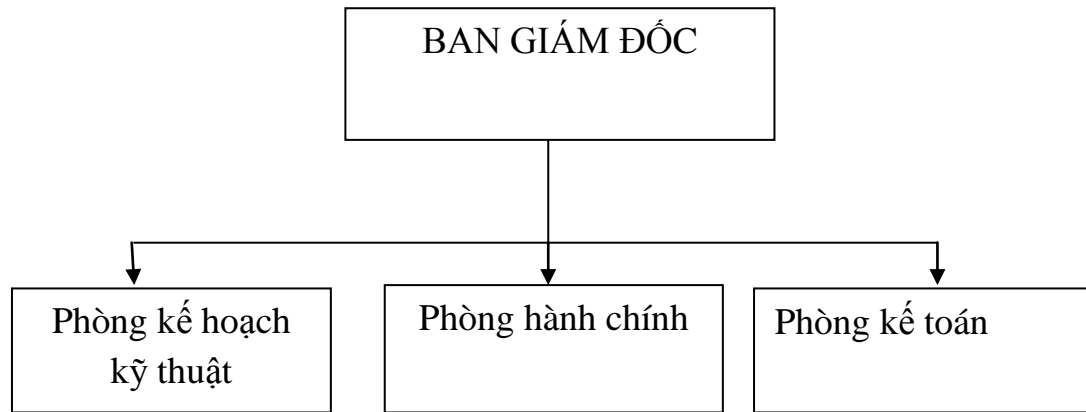
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

- Tên công ty : Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.
- Tên tiếng nước ngoài : S.V.A Construction join stock Company
- Địa chỉ trụ sở : Số 158A Trại Lẻ, Phường Kênh Dương, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng.
- Giấy phép kinh doanh : 0104172691 ngày 25/06/2008
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sửa chữa và xây mới nhà cửa dân dụng, các công trình kiến trúc, công ích.
 - + Phá dỡ.
 - + Tư vấn đầu tư xây dựng và nhận thầu các công trình dân dụng, thủy lợi, công trình giao thông (đường xá, cầu cống), công trình hạ tầng, san lấp mặt bằng.
- Mặc dù là doanh nghiệp mới thành lập vào năm 2008 nhưng Công ty cổ phần xây dựng S.V.A đã tạo được cho mình vị thế, uy tín trong lĩnh vực xây dựng . Công ty không ngừng mở rộng quy mô kinh doanh, hợp tác phát triển với nhiều đơn vị trên cả nước. Một số công trình tiêu biểu như: Công trình trường THPT Kiến Thụy, Sở Tài Nguyên Môi trường Hải Phòng, các trường học trong địa bàn thành phố Hải Phòng... Cùng với đó là đội ngũ cán bộ công nhân viên am hiểu về ngành nghề, có nhiệt huyết, đoàn kết trong sự phát triển của công ty.
- Việc sử dụng lao động hợp lý, máy móc hiện đại đã giúp công ty đạt được những hiệu quả vượt bậc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần xây dựng S.V.A

Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới được thể hiện qua sơ đồ 2.1.

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần xây dựng S.V.A.



▪ Ban giám đốc

Giám đốc là người đứng đầu công ty, đồng thời là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động đối nội và đối ngoại của công ty. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ chức năng tham mưu giúp việc cho ban giám đốc trong điều hành quản lý công việc.

▪ Phòng hành chính

Quản lý công tác hành chính văn thư, bảo mật, thông tin liên lạc, đánh máy...xây dựng và áp dụng các chế độ quy định nội bộ về quản lý sử dụng lao động, chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty trong việc thực hiện các chính sách đối với người lao động.

Thực hiện công tác thi đua khen thưởng kỷ luật trong doanh nghiệp.

▪ Phòng kỹ thuật

Đảm bảo các hoạt động kỹ thuật chung phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty. Tổ chức và kiểm soát các quy trình kỹ thuật phù hợp với các kế hoạch sản xuất kinh doanh, phù hợp với các quy định về an toàn

kỹ thuật thi công... Là bộ phận đảm trách mọi hoạt động kỹ thuật thi công của toàn công ty.

▪ *Phòng kế toán*

- Tổ chức công tác ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ kế toán theo đúng quy định của pháp luật.

-Lập và quản lý các sổ sách kế toán theo quy định của chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.

-Lập, trình ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.

-Quản lý, sử dụng, bảo mật chương trình phần mềm kế toán.

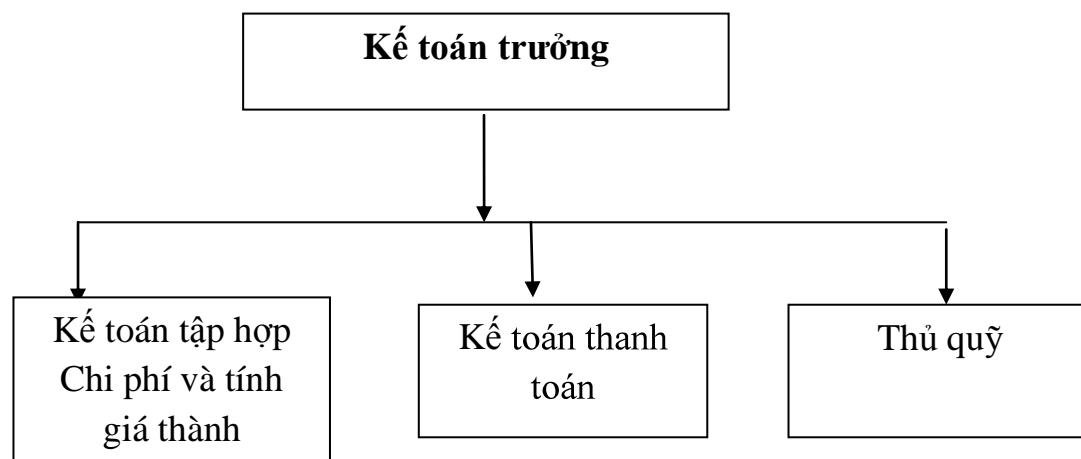
-Tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ đáp ứng mọi yêu cầu của công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

-Tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính, đề xuất lên giám đốc các phương án tổ chức kế toán, đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh trong công ty.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty Công ty cổ phần xây dựng S.V.A được tổ chức theo mô hình tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán Công ty cổ phần xây dựng S.V.A**Chức năng của từng bộ phận:**

-Kế toán trưởng: là người lãnh đạo các nhân viên thuộc quyền quản lý của mình, có trách nhiệm đôn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc.

- Kế toán tập hợp chi phí và giá thành: Theo dõi chi phí phát sinh của từng công trình và tập hợp lại tính giá thành khi công trình hoàn thành.

- Kế toán thanh toán :

+ Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt

+ Theo dõi dòng tiền vào, dòng tiền ra của công ty

+ Thực hiện việc giao dịch với Ngân hàng.

+ Theo dõi việc thanh toán của khách hàng

- Thủ quỹ: Quản lý việc thực hiện các khoản thu chi tiền mặt theo quy định của công ty.

2.1.3.2 Chính sách và phương pháp kế toán.

Công ty Cổ phần xây dựng S.V.A áp dụng chế độ kế toán theo QĐ

15/2006/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành, chế độ kế toán doanh nghiệp . Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước.

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung

- Công ty áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

-Niên độ kế toán bắt đầu từ 1/1 đến 31/12.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán : đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao: áp dụng phương pháp khấu hao đều.
- Phương pháp tính giá xuất kho NVL : phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp kế toán tổng hợp NVL : phương pháp kê khai thường xuyên.

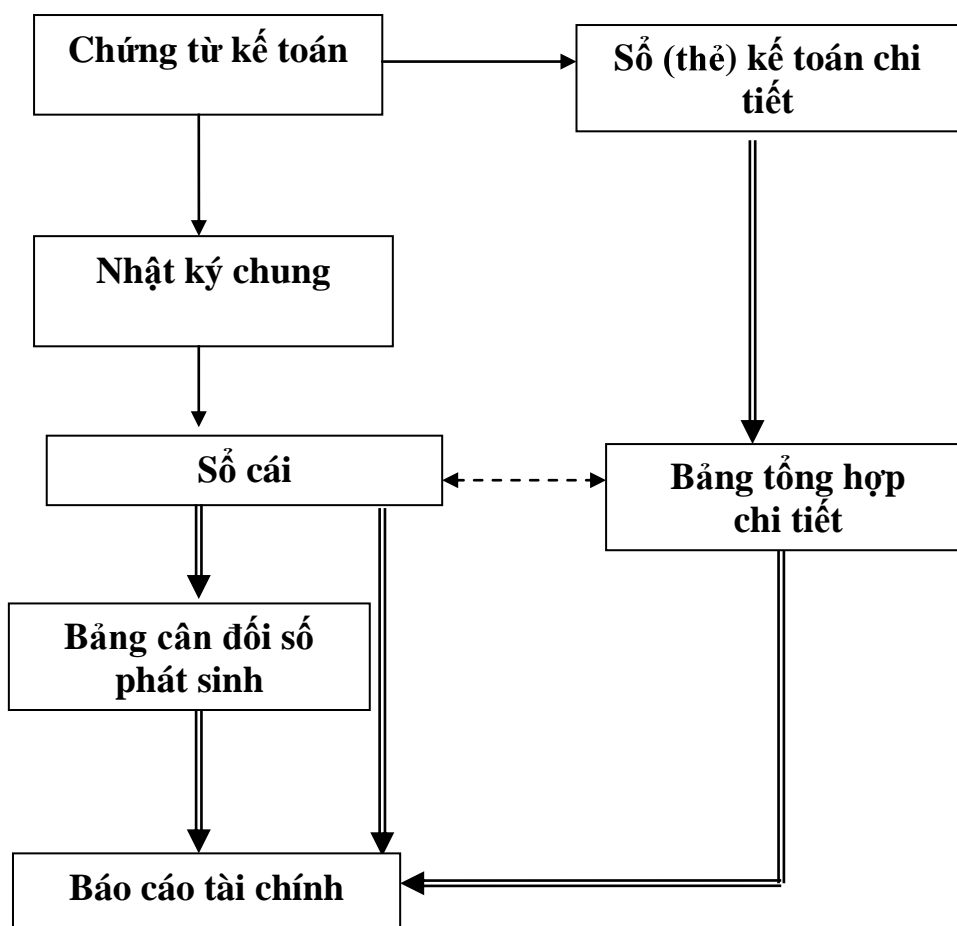
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản.

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được mô tả qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ ==>
- Kiểm tra, đối chiếu <- - - - ->

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản phù hợp.

- Cuối tháng cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.

- Công ty cổ phần xây dựng S.V.A là công ty chuyên sửa chữa, xây mới nhà cửa dân dụng, các công trình kiến trúc, công trình giao thông (đường xá cầu cống), Bên cạnh đó còn nhận tư vấn đầu tư xây dựng, nhận thầu các công trình thi công... Doanh thu của công ty là doanh thu từ việc thi công các công trình xây dựng.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.

- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT3/001)
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + các chứng từ giao dịch của Ngân hàng.
- + Hợp đồng xây dựng
- + Các chứng từ khác có liên quan.

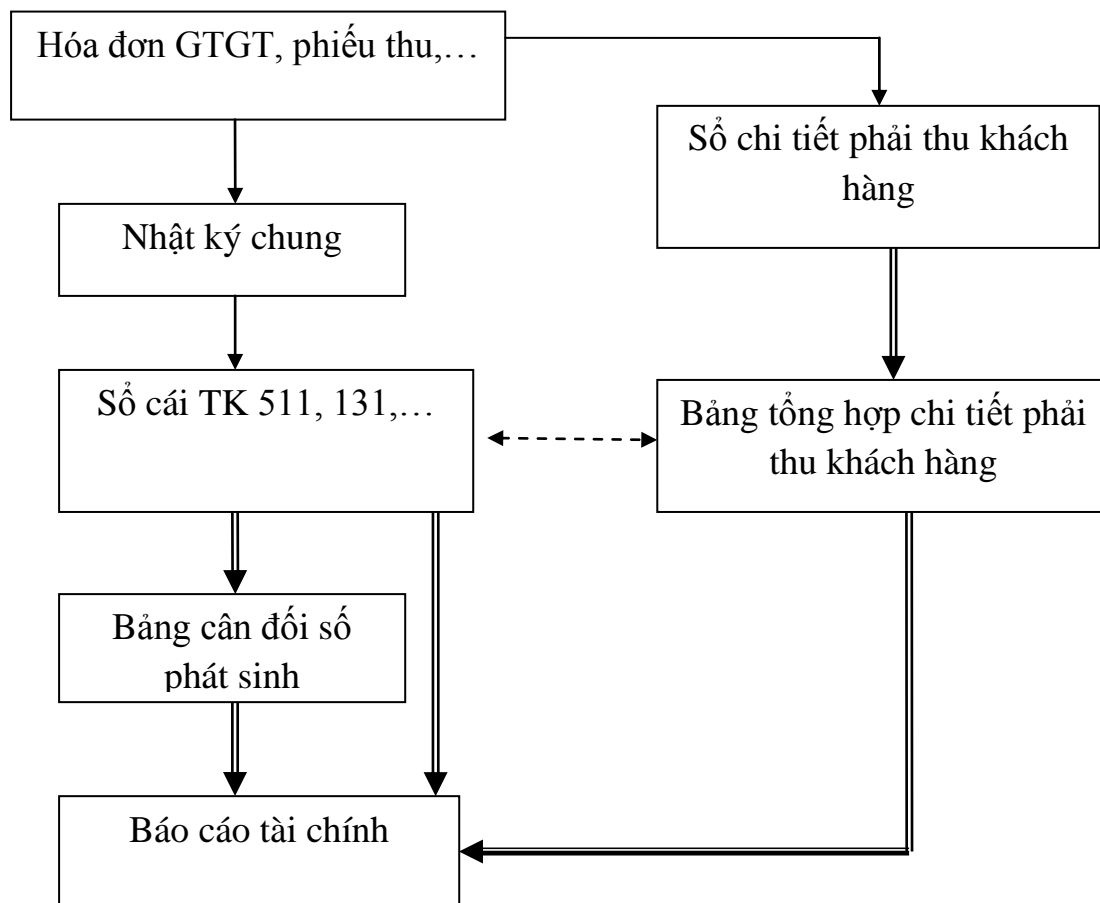
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.

- + TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

+ Các tài khoản khác có liên quan như : TK 111, 112, 131,...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ═══════→
- Quan hệ kiểm tra đối chiếu ←-----→

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ, hóa đơn GTGT, phiếu thu,... Kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 511 và các tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm sau khi đã tổng hợp số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái, đối chiếu với bảng tổng hợp thì Lập Báo cáo tài chính.

*2.2.1.5. Ví dụ minh họa.***❖ Ví dụ 2.1.**

Ngày 01/10/2014 Công ty bàn giao công trình sửa chữa, cải tạo nhà 5 tầng, sân hè trụ sở làm việc cho Sở tài nguyên môi trường Hải Phòng với số tiền là 1.515.600.000 (đã bao gồm VAT 10%) .

Định khoản:

a. Nợ TK 1311: 1.515.600.000

 Có TK 511 : 1.377.818.182

 Có TK 3331: 137.781.818

b. Nợ TK 632 : 1.198.576.966

 Có TK 154 : 1.198.576.966

- Ngày 01/10/2014 , căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000065 (Biểu 2.1) kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2) từ đó ghi vào sổ cái TK 511 (biểu 2.3)

Biểu 2.1. Hóa đơn GTGT số 0000065

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số HĐ:0000065		
<i>Liên 3 : Nội bộ</i> <i>Ngày 01 tháng 10 năm 2014</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A Mã số thuế: 0200809736 Địa chỉ: Số 158A Trại Lẻ, Kênh Dương, Lê Chân, TP. Hải Phòng Điện thoại: 0312.629.416 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thanh Phong Tên đơn vị: Sở Tài Nguyên Môi trường Hải Phòng Mã số thuế: Địa chỉ: Số 275 Lạch Tray , Ngô Quyền, Hải Phòng..... Hình thức thanh toán:.....Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Sửa chữa cải tạo nhà 5 tầng sân hè, trụ sở làm việc – Sở Tài nguyên Môi trường Hải Phòng Hạng mục : Xây ngăn cửa sổ, đóng trần một số phòng, lắp đặt điện, sơn bả, cải tạo mái, sân hè mặt trước nhà 5 tầng.	CT	1		1.377.818.182
Cộng tiền hàng					1.377.818.182
Thuế GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT 137.781.818
Tổng cộng tiền thanh toán					1.515.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ năm trăm mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn ./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.2. Sổ nhật ký chung

Mẫu số S03a- DN

Công ty cổ phần xây dựng S.V.A

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Năm 2014

Đơn vị tính VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			...			
01/10/2014	HĐ000065	01/10/2014	Doanh thu sửa chữa, cải tạo – Sở tài nguyên môi trường	131	1.515.600.000	
				511		1.377.818.182
				3331		137.781.818
					
05/12/2014	HĐ000092	05/12/2014	Thuê máy thi công của Công ty Sinh Ý	623	12.115.831	
				133	1.211.583	
				111		13.327.414
					
31/12/2014	HĐ000068	31/12/2014	Doanh thu sửa chữa, cải tạo – trường THPT Kiến Thụy	131	420.000.000	
				511		381.818.182
				3331		38.181.818
			...			
			Cộng số phát sinh cả năm		30.524.113.235	30.524.113.235

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.3. Sổ cái TK 511**Mẫu số S03b- DN****Công ty cổ phần xây dựng S.V.A**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511****Năm 2014****Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
	Số hiệu	Ngày tháng				
			Phát sinh trong kỳ			
01/10/2014	HĐ000065	01/10/2014	Doanh thu cải tạo, sửa chữa – Sở Tài nguyên môi trường HP	131		1.377.818.182
31/12/2014	HĐ000066	31/12/2014	Doanh thu cải tạo, sửa chữa – Trường THPT Kiến Thụy	131		63.636.364
31/12/2014	HĐ000067	31/12/2014	Doanh thu cải tạo, sửa chữa – Trường THPT Kiến Thụy	131		381.818.182
			...			
31/12/2014	PKT15/12	31/12/2014	Kết chuyển DT năm 2014	911	3.376.722.728	
			Cộng số phát sinh năm		3.376.722.728	3.376.722.728

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A**2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty.**

- Đối tượng được tính giá thành của Công ty là những công trình đã hoàn thành trong kỳ. Đối với những công trình chưa hoàn thành hay khối lượng xây lắp còn dở dang trong kỳ chưa được chủ đầu tư nghiệm thu thì toàn bộ chi phí sản xuất của công trình đó được theo dõi trên TK 154 chi tiết cho công trình đó. Sang kỳ sau công trình đã xác nhận là hoàn thành thì lúc này kế toán sẽ tiến hành xác định giá thành của công trình và kết chuyển sang TK giá vốn.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.

-Bảng kê chi phí và tính giá thành các công trình

- Phiếu kế toán

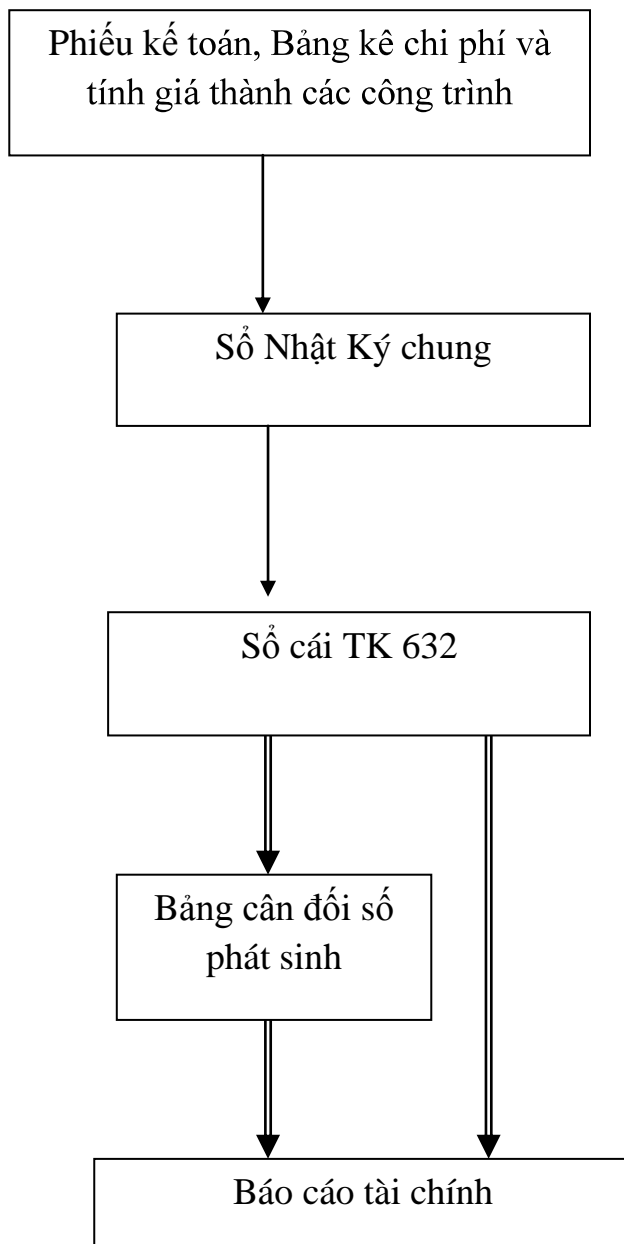
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

2.2.2.4. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

*2.2.2.5. Ví dụ minh họa***❖ Ví dụ 2.2. (minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của nghiệp vụ 2.1)**

Ngày 01/10/2014 Công ty bàn giao công trình sửa chữa, cải tạo nhà 5 tầng, sân hè trụ sở làm việc cho Sở tài nguyên môi trường Hải Phòng với số tiền là 1.515.600.000 (bao gồm VAT 10%) .

Định khoản:

a. Nợ TK 1311: 1.515.600.000

 Có TK 511 : 1.377.818.182

 Có TK 3331: 137.781.818

b. Nợ TK 632 : 1.198.576.966

 Có TK 154 : 1.198.576.966

Từ Bảng kê chi phí và tính giá thành công trình (biểu 2.3) , kế toán lập phiếu kế toán (biểu số 2.4). Căn cứ vào đó, kế toán phản ánh giá vốn của nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.5) từ đó ghi vào sổ cái TK 632 (biểu 2.6)

Biểu 2.3. Bảng kê chi phí và tính giá thành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A

BẢNG KÊ CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH**Công trình: Sửa chữa, cải tạo nhà 5 tầng, sân hè trụ sở làm việc – Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng****Đơn vị tính : VND**

TT	Ngày tháng	Chứng từ	Địa chỉ người bán	Tên vật tư	Thuế suất	Đơn vị tính	Vật liệu (chưa có thuế)			Tiền thuế
							KL	Đơn giá	Thành tiền	
1	02/01/2014	0000052	Công ty Thuy Lan	Đá granit	10%	m3	36	1.050.000	37.800.000	3.780.000
2	10/05/2014	0000093	Công ty TNHH thương mại Sinh Ý	Cát mịn 1.5-2.0	10%	m3	19	210.000	4.032.000	3.692.560
				Cát mịn 0.7-1.5		m3	1	150.000	150.000	
				Cát vàng		m3	83	230.000	19.090.000	
				Gạch chỉ		viên	10.272	1.300	13.353.600	
				Đá 4x6		m2	1.5	200.000	300.000	
3	26/05/2014	0000844	Công ty TNHH kim khí Hoàng Huyền	Tôn mạ màu		kg	2.326	22.000	51.172.000	5.117.200
				
				Chi phí vật liệu					530.694.963	53.069.496
24	10/10/2014	0000092	Công ty TNHH Sinh Ý	Cần trục ô tô	10%	ca	1	2.518.958	2.518.958	
				Đàn bàn 1Kw	10%	ca	10	299.777	2.997.779	
				Máy cắt gạch đá 1.7 Kw	10%	ca	12	301.362	3.616.345	
									
				Chi phí máy xây dựng					28.540.787	2.854.079
				Chi phí nhân công trực tiếp					477.100.000	
				CP SXC					162.241.216	
				TỔNG CỘNG GIÁ THÀNH					1.198.576.966	

Kế toán trưởng

Người lập

Biểu 2.4. Phiếu kế toán**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 12/12****Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí xác định giá vốn công trình Sở Tài nguyên môi trường năm 2014	632	154	1.198.576.966
	Cộng			1.198.576.966

Biểu 2.5. Nhật ký chung

Mẫu số S03a- DN

Công ty cổ phần xây dựng S.V.A

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2014**

Đơn vị tính VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh tháng 12			
21/12/2014	SK2112	21/12/2014	Phí dịch vụ SMS ngân hàng	642	20.000	
				112		20.000
			...			
31/12/2014	PKT10/12	31/12/2014	Kết chuyển chi phí tính giá thành công trình sửa chữa cải tạo nhà 5 tầng, sân hè trụ sở làm việc sở tài nguyên môi trường.	154	530.694.963	
				621		530.694.963
31/12/2014	PKT10/12	31/12/2014	Kết chuyển chi phí tính giá thành công trình sửa chữa, cải tạo nhà 5 tầng sân hè sở tài nguyên môi trường	154	477.100.000	
				622		477.100.000
31/12/2014	PKT10/12	31/12/2014	Kết chuyển chi phí tính giá thành công trình sửa chữa, cải tạo nhà 5 tầng sân hè Sở Tài nguyên môi trường	154	28.540.787	
				623		28.540.787
					
31/12/2014	PKT12/12	31/12/2014	Kết chuyển chi phí xác định giá vốn công trình Sở Tài nguyên môi trường.	632	1.198.576.966	
				154		1.198.576.966
			Cộng phát sinh cả năm		30.524.113.235	30.524.113.235

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.6. Sổ cái TK 632**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****Mẫu số S03b- DN****SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**Năm 2014****Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
	Số hiệu	Ngày tháng				
			Phát sinh trong kỳ			
					
31/12/2014	PKT12/12	31/12/2014	Kết chuyển chi phí xác định giá vốn của công trình sở tài nguyên môi trường	154	1.198.576.966	
31/12/2014	PKT 13/12	31/12/2014	Kết chuyển chi phí xác định giá vốn của công trình Sở Giao thông vận tải	154	540.322.816	
31/12/2014	PKT 16/12	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn năm 2014	911		2.860.735.729
			Cộng số phát sinh năm		2.860.735.729	2.860.735.729

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.

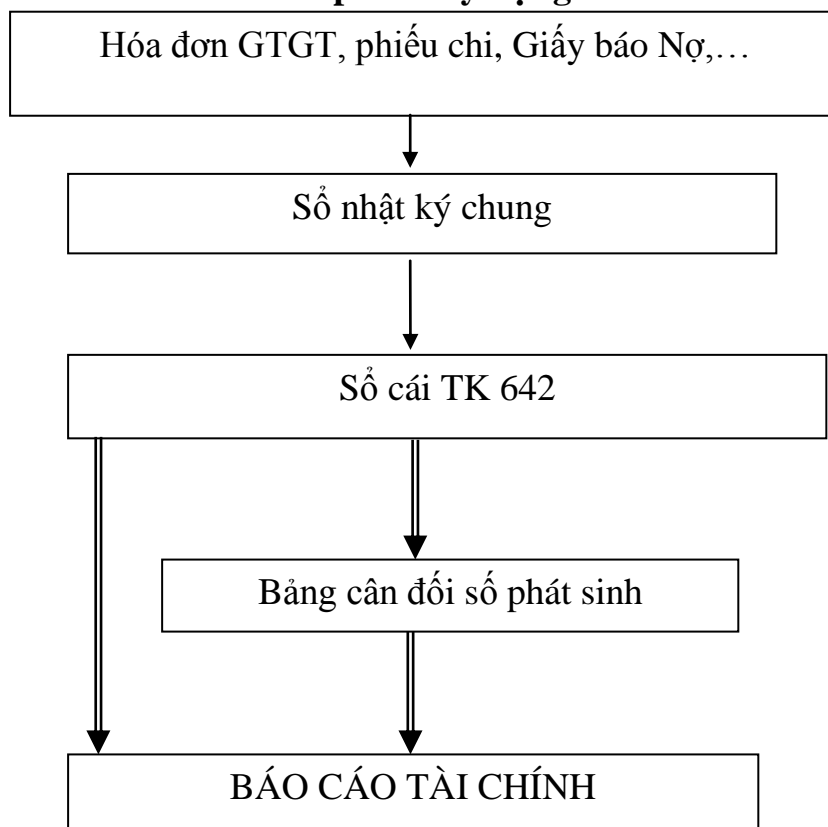
- ✓ Phiếu chi
- ✓ Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, sao kê ngân hàng
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao...
- ✓ Hóa đơn GTGT

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.



Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ,... Kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Chi phí Quản lý doanh nghiệp vào Sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK642. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái của tài khoản trên để lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối kỳ làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.5. Ví dụ minh họa.

❖ **Ví dụ 2.3.**

Ngày 21/12/2014 , thanh toán phí dịch vụ SMS của ngân hàng Vietinbank tháng 12 năm 2014.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 20.000

Có TK 112 : 20.000

Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản chi tiết của Ngân hàng Vietinbank (biểu 2.7) kế toán phản ánh bút toán ghi Nợ 642 vào sổ nhật ký chung (biểu 2.8) và từ đó ghi vào sổ cái TK 642 (biểu 2.9)

Biểu 2.7. Bảng sao kê tài khoản chi tiết

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHI NHÁNH : NHCT TO HIEU

SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT*Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014*

Số tài khoản/ Account number :

102010000995629

Tên TK/ Account name: CT CP Xây dựng

S.V.A

Loại tiền tệ/ Currency: VND

Số dư đầu kỳ/ Beginning balance:

Số dư cuối kỳ/ Ending balance:

Ngày phát sinh	Số CT	Nội dung giao dịch	Doanh số phát sinh	
			Nợ/ Debit	Có/ Credit
			
19/11/2014	00001	NGUYEN THI THANH LINH TK	794.000.000	
21/11/2014	00001	PHI DỊCH VỤ SMS T11/2014	20.000	
09/12/2014	00001	TRUONG THPT KIEN THUY TRA TIEN CONG TRINH CAI TAO TUONG RAO		115.069.640
21/12/2014	00001	PHI DỊCH VỤ SMS T12/2104	20.000	
31/12/2014	00002	LAI TIEN GUI		18.092
			
		CỘNG PHÁT SINH	3.599.029.250	3.598.997.276

Biểu 2.8 . Sổ nhật ký chung**Mẫu số S03a- DN****Công ty cổ phần xây dựng S.V.A**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2014**

Đơn vị tính VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
					
2/12/2014	HĐ0000068	2/12/2014	Mua vật tư xây dựng tại Công ty Sinh ý	621	6.164.000	
				111		6.164.000
				1331	616.400	
				111		616.400
			...			
21/12/2014	SK2112	21/12/2014	Phí dịch vụ SMS ngân hàng	642	20.000	
				1121		20.000
31/12/2014	BLNV12	31/12/2014	Kết chuyển lương nhân viên quản lý tháng 12/2014	642	33.000.000	
				334		33.000.000
			...			
			Cộng phát sinh cả năm		30.524.113.235	30.524.113.235

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.9 . Sổ cái TK 642**Mẫu số S03b- DN****Công ty cổ phần xây dựng S.V.A**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642****Năm 2014****Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
					
21/12/2014	SK2112	21/12/2014	Phí dịch vụ SMS ngân hàng	1121	20.000	
23/12/2014	HD00068	23/12/2014	Chi phí lắp đặt thuê qua mạng	1111	2.160.000	
31/12/2014	BLNV12	31/12/2014	Kết chuyển lương quản lý Tháng 12/2014	334	33.000.000	
31/12/2014	PC 180	31/12/2014	Chi mua văn phòng phẩm	1111	116.392	
			...			
31/12/2014	PKT16/12	31/12/2014	Kết chuyển chi phí QLDN năm 2014	911		462.285.886
			Cộng số phát sinh năm		462.285.886	462.285.886

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty chủ yếu là lãi tiền gửi từ ngân hàng.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.

- Sao kê ngân hàng
- Giấy báo Có
- Các chứng từ liên quan khác.

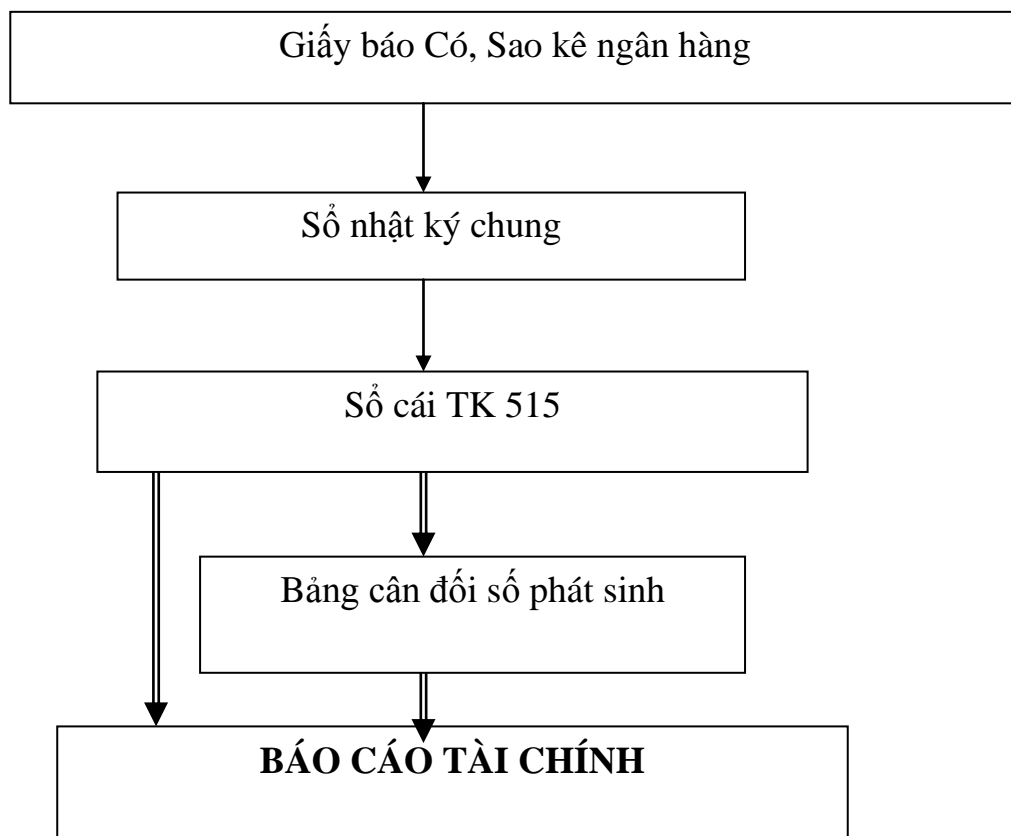
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.4. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A

Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ như giấy báo có, sao kê ngân hàng... Kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến. Doanh thu hoạt động tài chính vào Sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa.

❖ Ví dụ 2.6.

Ngày 31/12/2014, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trả lãi tiền gửi . Số tiền là 18.092VNĐ.

Kế toán định khoản :

Nợ TK 1121: 18.092

Có TK 515 : 18.092

Căn cứ vào Sao kê tài khoản chi tiết của ngân hàng ngày 31/12/2014 (Biểu 2.10). Kế toán ghi chép nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11) . từ sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK515 (Biểu 2.12)

Biểu 2.10. Bảng sao kê tài khoản chi tiết

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHI NHÁNH : NHCT TO HIEU

SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT*Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014*

Số tài khoản/ Account number :

102010000995629

Loại tiền tệ/ Currency: VND

Số dư đầu kỳ/ Beginning balance:

Tên TK/ Account name: CT CP Xây dựng S.V.A

Số dư cuối kỳ/ Ending balance:

Ngày phát sinh	Số CT	Nội dung giao dịch	Doanh số phát sinh	
			Nợ/ Debit	Có/ Credit
			
19/11/2014	00001	NGUYEN THI THANH LINH TK	794.000.000	
21/11/2014	00001	PHI DỊCH VỤ SMS T11/2014	20.000	
09/12/2014	00001	TRUONG THPT KIEN THUY TRA TIEN CONG TRINH CAI TAO TUONG RAO		115.069.640
21/12/2014	00001	PHI DỊCH VỤ SMS T12/2104	20.000	
31/12/2014	00002	LAI TIEN GUI		18.092
			
		CỘNG PHÁT SINH	3.599.029.250	3.598.997.276

Biểu 2.11 . Sổ nhật ký chung**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****Mẫu số S03a- DN****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**Năm 2014**

Đơn vị tính VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
					
2/12/2014	HĐ0000068	2/12/2014	Mua vật tư xây dựng tại Công ty Sinh ý	621	6.164.000	
				111		6.164.000
				1331	616.400	
				111		616.400
			...			
21/12/2014	SK2112	21/12/2014	Phí dịch vụ SMS ngân hàng	642	20.000	
				1121		20.000
31/12/2014	SK3112	31/12/2014	Lãi tiền gửi tháng 12	1121	18.092	
				515		18.092
			...			
			Cộng phát sinh năm		30.524.113.235	30.524.113.235

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.12. Sổ cái TK 515**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****Mẫu số S03b- DN****SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Năm 2014

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
	Số hiệu	Ngày tháng				
			Phát sinh trong kỳ			
			...			
31/10/2014	SK3110	31/10/2014	Lãi tiền gửi tháng 10	1121		1.506
30/11/2014	SK3011	30/11/2014	Lãi tiền gửi tháng 11	1121		18.744
31/12/2014	SK3112	31/12/2014	Lãi tiền gửi tháng 12	1121		18.092
31/12/2014	PKT15/12	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	98.887	
			Cộng số phát sinh năm 2014		98.887	98.887

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

Tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A năm 2014 không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.**2.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán.

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

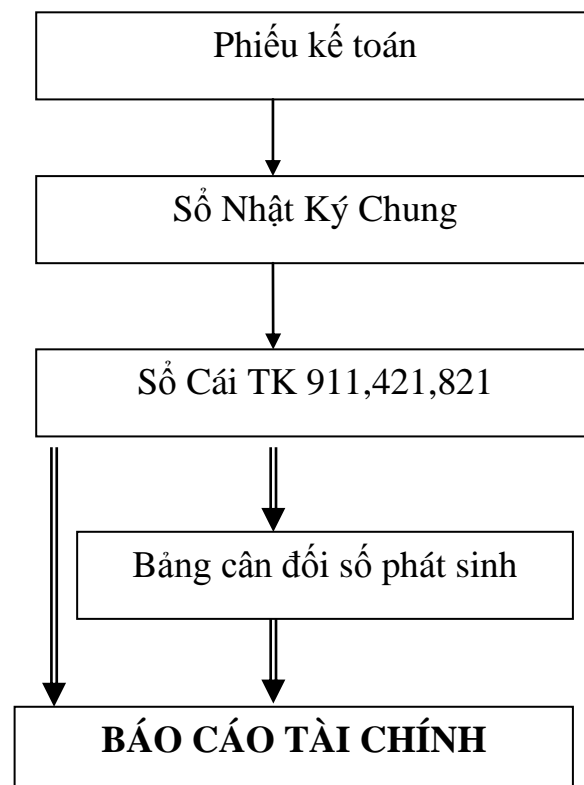
Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối.

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.



Ghi chú:

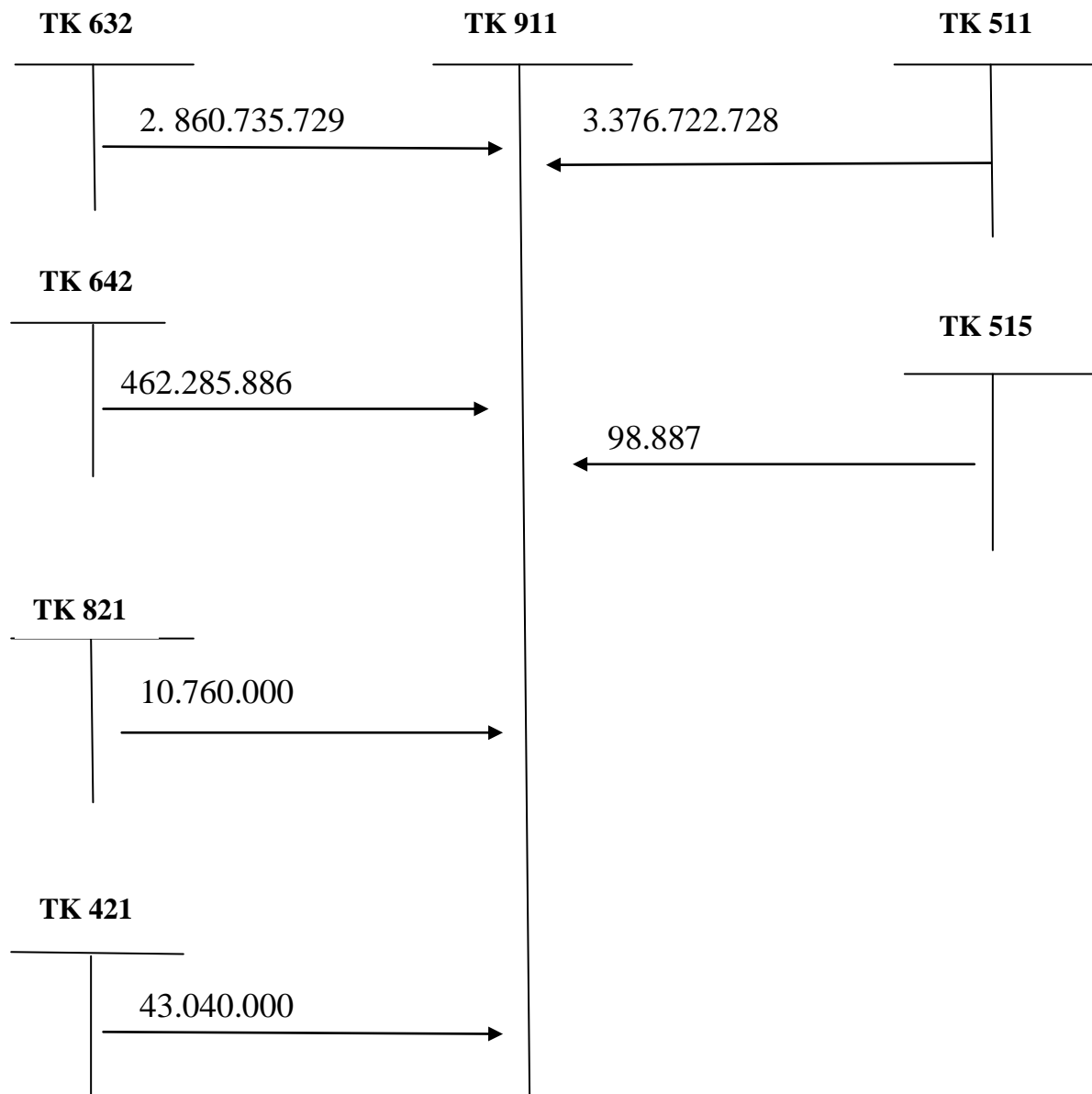
Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

2.2.6.5. Ví dụ minh họa.

Ngày 31/12/2014 Công ty cổ phần xây dựng S.V.A tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh năm 2014.

Sơ đồ 2.9. Sơ đồ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí năm 2014 tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A



Cuối kỳ, kế toán lập phiếu kế toán số 15, 16, 17,18, 19 (Biểu 2.13, 2.14, 2.15, 2.16, 2.17). Căn cứ vào phiếu kế toán trên, kế toán ghi chép vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung ghi vào các sổ Cái của các Tài khoản có liên quan.

Biểu 2.13. Phiếu kế toán số 15**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 15/12****Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và CCDV	511	911	3.376.722.728
2	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	98.887
	Cộng			3.376.821.615

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Biểu 2.14. Phiếu kế toán số 16****Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 16/12****Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn năm 2014	911	632	2.860.735.729
2	Kết chuyển CP quản lý DN	911	642	462.285.886
	Cộng			3.323.021.615

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập biểu**Kế toán trưởng**

Biểu 2.15. Phiếu kế toán số 17**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 17/12****Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN năm 2014	821	3334	10.760.000
	Cộng			10.760.000

Kèm theo 01 chứng từ gốc
 Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.16. Phiếu kế toán số 18**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 18/12****Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển CP thuế TNDN	911	821	10.760.000
	Cộng			10.760.000

Kèm theo 01 chứng từ gốc
 Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.17. Phiếu kế toán số 19**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****PHIẾU KẾ TOÁN****Số 19/12****Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	421	43.040.000
	Cộng			43.040.000

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu số 2.18. Sổ nhật ký chung**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2014****Mẫu số S03a- DN**
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
			...			
31/12/2014	PKT15/12	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu năm 2014	511	3.376.722.728	
				911		3.376.722.728
31/12/2014	PKT15/12	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2014	515	98.887	
				911		98.887
31/12/2014	PKT16/12	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn năm 2014	911	2.860.735.729	
				632		2.860.735.729
31/12/2014	PKT16/12	31/12/2014	Kết chuyển CP quản lý DN năm 2014	911	462.285.886	
				642		462.285.886
31/12/2014	PKT17/12	31/12/2014	Xác định thuế TNDN phải nộp năm 2014	821	10.760.000	
				3334		10.760.000
31/12/2014	PKT18/12	31/12/2014	Kết chuyển CP thuế TNDN	911	10.760.000	
				821		10.760.000
31/12/2014	PKT19/12	31/12/2014	Kết chuyển lãi	911	43.040.000	
				421		43.040.000
			Cộng phát sinh năm		30.524.113.235	30.524.113.235

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.19. Sổ cái TK 911**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****Mẫu số S03b- DN****SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911****Năm 2014**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
	Số hiệu	Ngày tháng				
			Phát sinh trong kỳ			
			...			
31/12/2014	PKT15/12	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu năm 2014	511		3.376.722.728
31/12/2014	PKT15/12	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2014	515		98.887
31/12/2014	PKT16/12	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn năm 2014	632	2.860.735.729	
31/12/2014	PKT16/12	31/12/2014	Kết chuyển CP quản lý DN	642	462.285.886	
31/12/2014	PKT18/12	31/12/2014	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	10.760.000	
31/12/2014	PKT19/12	31/12/2014	Kết chuyển lãi	421	43.040.000	
			Cộng số phát sinh năm 2014		3.376.821.615	3.376.821.615

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn

Biểu 2.20. Sổ cái TK 821**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 821
Năm 2014
Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Mẫu số S03b- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
	Số hiệu	Ngày tháng				
			Phát sinh trong kỳ			
31/12/2014	PKT17/12	31/12/2014	Xác định thuế TNDN năm 2014	3334	10.760.000	
31/12/2014	PKT18/12	31/12/2014	Kết chuyển CP thuế TNDN	911		10.760.000
			Cộng số phát sinh năm		10.760.000	10.760.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.21. Sổ cái TK 421**Công ty cổ phần xây dựng S.V.A****Mẫu số S03b- DN****SỔ CÁI TÀI KHOẢN 421****Năm 2014**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
	Số hiệu	Ngày tháng				
			Số dư đầu năm			110.783.864
			Phát sinh trong kỳ			
31/12/2014	PKT19/12	31/12/2014	Kết chuyển lãi	911		43.040.000
			Cộng số phát sinh năm			43.040.000
			Số dư cuối năm			153.823.864

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A, em có cơ hội làm quen với môi trường làm việc văn phòng, làm quen với công việc của người kế toán. Là một công ty có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực xây dựng, từng thầu những công trình lớn cho thấy được chuyên môn nghiệp vụ nhân viên và tổ chức bộ máy trong công ty rất vững vàng. Để từ đó công ty đạt được những thành tựu và hiệu quả kinh doanh như ngày hôm nay. Sau đây, em xin nêu ra những ưu điểm nổi bật và những nhược điểm cần khắc phục tại Công ty.

3.1.1. Ưu điểm.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty theo mô hình tập trung vì vậy tất cả các công tác hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng, quý, năm đều tập trung giải quyết tại phòng kế toán nên đảm bảo được tính thống nhất, chặt chẽ, việc xử lý và cung cấp thông tin được thuận tiện và hiệu quả, nhờ đó mà Công ty sẽ dễ dàng trong việc quản lý, theo dõi và chỉ đạo công tác kế toán một cách có hệ thống. Các nhân viên trong phòng Kế toán đều có trình độ năng lực và chuyên môn vững vàng, có trách nhiệm với công việc.

❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Công ty thực hiện đầy đủ sổ sách giúp việc kiểm tra đối chiếu số liệu dễ dàng, chính xác.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Việc áp dụng hệ thống kế toán Nhật ký chung rất phù hợp với đặc điểm bộ máy kế toán và tình hình hạch toán thực tế tại Công ty. Khi có các nghiệp vụ kinh tế

phát sinh, kế toán sẽ hạch toán theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên sổ Nhật ký chung, sau đó hạch toán vào sổ cái và các sổ chi tiết. Đây là hình thức đơn giản, phổ biến hiện nay, thuận tiện cho việc kiểm tra rà soát.

❖ **Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- Chứng từ kế toán:

Để xác định kết quả kinh doanh, bộ phận kế toán sử dụng các chứng từ như: Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có, phiếu kế toán (chứng từ tự lập cho từng nghiệp vụ kế toán). Công tác luân chuyển chứng từ đảm bảo đầy đủ nội dung, chữ ký của các bên liên quan, phù hợp với các yêu cầu thực tế, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế. Việc sắp xếp các chứng từ khoa học giúp cho quá trình tra cứu số liệu kế toán dễ lên sổ sách, tiến hành xác định kết quả kinh doanh thuận tiện và nhanh chóng.

❖ **Về phương pháp hạch toán:**

+ Cách xác định giá vốn của công ty đơn giản, thuận lợi trong việc tập hợp chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

+ Khi xác định kết quả kinh doanh, Công ty sử dụng các tài khoản và phương pháp hạch toán đúng với chuẩn mực và quy định của Bộ Tài Chính, giúp cho Công ty xác định kết quả kinh doanh của mình một cách chính xác.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên thì công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một vài hạn chế sau đây:

❖ **Về tổ chức hệ thống sổ kế toán.**

Khi hạch toán các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, kế toán chỉ theo dõi trên TK 642 mà không mở chi tiết các tài khoản cấp 2. Do đó gây khó khăn trong việc theo dõi và kiểm soát các yếu tố chi phí.

❖ **Về việc hiện đại hóa công tác kế toán.**

Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế trên nhưng chỉ mới dừng lại ở việc sử dụng các ứng dụng trên Word và Excel. Trong khi

đó, hoạt động kinh doanh càng ngày càng mở rộng nên áp dụng công nghệ vào hạch toán kế toán nhằm giúp nhà quản lý đạt hiệu quả trong công việc, tiết kiệm,...

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán.

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận phòng ban về cơ bản là tuân thủ đúng quy trình nhưng trong quá trình luân chuyển giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ. Tuy nhiên công tác luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng tài chính kế toán của Công ty vẫn còn sự chậm trễ. Các chứng từ phát sinh sẽ được kế toán tập hợp vào cuối tháng . Chính sự chậm trễ này làm cho công tác kế toán thường bị dồn vào cuối kỳ hạch toán.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và định kết quả kinh doanh giúp cho các đơn vị quản lý các hoạt động tiêu thụ, sử dụng các khoản chi phí hợp lí. Dựa vào đó các nhà quản lý có những biện pháp thúc đẩy doanh thu và điều tiết chi phí hợp lý, hoàn thiện quá trình này giúp hạ giá thành sản phẩm và tiết kiệm được chi phí cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn cung cấp cho nhà quản lý những con số thực tế, những chứng từ xác thực phản ánh tình hình kinh doanh trong Công ty. Thông qua các số liệu kế toán, nhà quản lý sẽ có những hoạch định, chiến lược phát triển, giải quyết các khó khăn và đưa ra biện pháp bền vững lâu dài.

3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để có bước phát triển mới. Muốn vậy doanh

ng nghiệp trước hết cần không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý. Thông qua việc lập chứng từ kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế bằng phương pháp khoa học để biết được những thông tin 1 cách chính xác, kịp thời và đầy đủ góp phần cho việc sử dụng hợp lý tài sản.

Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, ghi chép đối chiếu xác minh dễ dàng, tạo điều kiện cho việc lập Báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp đủ thông tin cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Ngoài ra, quá trình này hoàn thiện còn giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ và đưa ra phương hướng kinh doanh cho kỳ tới.

3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì việc hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty cổ phần xây dựng S.V.A cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng như cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng hệ thống và chế độ kế toán. Đây là văn bản có tính bắt buộc, mặc dù vậy doanh nghiệp có thể thay đổi linh hoạt để phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có một đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất và hệ thống quản lý.

- Hoàn thiện dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí : Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, ngày càng phát triển. Do đó không thể tách rời hoạt động của

doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

3.2.4.1. Hoàn thiện hệ thống sổ sách tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A.

Trong mỗi công ty, hệ thống sổ sách đóng vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực sự có hiệu quả chỉ khi công ty có hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với quy mô, quá trình sản xuất kinh doanh tại Công ty. Khi hạch toán các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, kế toán chỉ theo dõi trên TK 642 mà không mở chi tiết các tài khoản cấp 2. Do đó gây khó khăn trong việc theo dõi và kiểm soát các yếu tố chi phí. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ sách công ty nên lập các Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36 – DN ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC). Việc theo dõi các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý trên từng yếu tố giúp Công ty quản lý các khoản chi phí dễ dàng hơn. TK 642 chia ra làm các tiểu khoản :

- TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426 : Chi phí dự phòng
- TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Tk 6428 : Chi phí bằng tiền khác

Dưới đây là biểu mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.1**)

Biểu 3.1. Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A
Số 158A- Trại Lê - Kênh Dương – Hải Phòng

Mẫu số S35- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621,622,627, 623, 154, 631, 632, 642, 142, 242, 335)

- Tài khoản :
- Tên phân xưởng :
- Tên sản phẩm, dịch vụ :

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			- số dư đầu kỳ - số phát sinh trong kỳ										

- Sổ này có.....trang đánh số từ 01 đến trang
- Ngày mở sổ :.....

Ngày...tháng...năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

❖ **Ví dụ 3.1.**

Ngày 21/12/2014 Phí dịch vụ SMS của ngân hàng Viettinbank là 20.000

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 20.000

Có TK 112 : 20.000

Ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ Chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 (**Biểu 3.2**) để theo dõi từng yếu tố cho chi phí quản lý doanh nghiệp.

Biểu 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A
Số 158A- Trại Lê - Kênh Dương – Hải Phòng

Mẫu số S35- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tài khoản : 642

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản 642					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						6421	6422	6423	6428
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			số phát sinh trong kỳ							
									
21/12/2014	SK2112	21/12/2014	Phí dịch vụ SMS ngân hàng	112	20.000					20.000
			...							
31/12/2014	PKT16/12	31/12/2014	Kết chuyển CPQLDN	911	462.285.886					
			Cộng số phát sinh							

Ngày...tháng...năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

3.2.4.2. Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm được cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý và dễ tìm lại khi bị thất lạc. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban của công ty còn chậm trễ, chứng từ dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán cùng một thời điểm, điều này gây ứ đọng, tăng khối lượng công việc cho kế toán, dễ gây ra những nhầm lẫn sai sót. Vì vậy công ty nên có những quy định về thời gian luân chuyển chứng từ trong năm hoặc trong một kỳ để việc hạch toán được khoa học, chính xác.

Ngoài ra công ty có thể sử dụng mẫu biên bản giao nhận chứng từ để rõ ràng trong từng giai đoạn luân chuyển chứng từ.

Mẫu sổ giao nhận chứng từ :

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A.**SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày... đến ngày....

Ngày tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

3.2.4.3. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A

Hiện nay, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại rất nhiều hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp. Các phần mềm kế toán giúp kiểm soát, duy trì hoạt động của công ty. Các phần mềm kế toán phục vụ các nhu cầu quản lý kế toán như báo cáo công nợ khách hàng chi tiết và chính xác, liệt kê danh sách khách hàng, ... Mỗi phần mềm kế toán hiện nay đều được thiết kế khoa học, giao diện giúp người sử dụng một cách dễ dàng.

Trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, CNS, SAS INNOVA ... Em xin giới thiệu một số phần mềm kế toán mà doanh nghiệp có thể sử dụng.

+ Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015:

MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

Giá cài đặt phần mềm là 3.000.000 đ

Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015



Một số điểm nổi bật của phần mềm kế toán MISA:

Phân tích tài chính

Cung cấp tức thời nhiều biểu đồ phân tích, hệ thống báo cáo quản trị giúp Giám đốc nắm bắt nhanh chóng, chính xác các thông tin về sức khỏe của Doanh nghiệp.

Phân hệ Quĩ

Dễ dàng tạo mẫu Phiếu thu, Phiếu chi theo đặc thù doanh nghiệp, in theo khổ A4, A5 hoặc giấy cuộn. Dự báo dòng tiền thu, chi trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.

Phân hệ Ngân hàng

Đáp ứng nghiệp vụ thanh toán qua thẻ tín dụng. Lập và in các chứng từ như Séc, UNC theo đặc thù biểu mẫu từng ngân hàng. Hỗ trợ đối chiếu chứng từ thu, chi với sổ phụ ngân hàng để phát hiện chênh lệch.

Phân hệ Mua hàng

Tự động phân bổ chi phí mua hàng, chi phí hải quan, hạch toán các khoản chiết khấu thương mại, theo dõi chi tiết công nợ phải trả theo từng hóa đơn.

Phân hệ Bán hàng

Cho phép thiết lập chính sách giá bán và chiết khấu cho từng khách hàng, mặt hàng, theo dõi chiết khấu theo tổng giá trị hóa đơn. Lập kế hoạch thu nợ, theo dõi nợ theo từng giai đoạn, hóa đơn, khách hàng, tự động tính lãi nợ quá hạn

Phân hệ Quản lý Hóa đơn

Hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành, in và sử dụng hóa đơn theo quy định của thông tư số 39/2014/TT-BTC. Theo dõi thông báo phát hành đối với tem, vé, phiếu nhập kho kiêm vận chuyển nội bộ,

Phân hệ Kho

Tính giá xuất kho theo nhiều phương pháp: Đích danh, Nhập trước xuất trước, Bình quân cuối kỳ, Bình quân tức thời. Quản lý hàng hóa theo mã vạch, số lô, hạn dùng, mã quy cách, đặc tính sản phẩm, quy đổi theo nhiều đơn vị tính.

Phân hệ Lương

Chấm công, lập bảng tổng hợp chấm công, và tính lương theo thời gian, sản

phẩm... Tính lương cơ bản theo hệ số và mức lương tối thiểu hoặc tính lương cơ bản theo lương thỏa thuận của nhân viên

Phân hệ Hợp đồng

Quản lý hợp đồng theo dự án, bộ phận kinh doanh, nhân viên kinh doanh, thị trường. Theo dõi các khoản dự kiến chi, thực chi, tình hình thanh toán và tự động xác định lãi lỗ theo từng hợp đồng, dự án.

Phân hệ Tài sản cố định

Tự động tính khấu hao chi tiết đến từng TSCĐ. Tự động phân bổ chi phí khấu hao cho từng bộ phận, phòng ban, đối tượng tập hợp chi phí. Cho phép lập biên bản kiểm kê TSCĐ, và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê

Phân hệ Công cụ dụng cụ

Phân bổ chi phí một lần hoặc nhiều lần cho từng CCDC theo từng đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành, lãi lỗ kinh doanh. Cho phép lập biên bản kiểm kê CCDC, và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê

Phân hệ Giá thành

Tính giá thành và đánh giá sản phẩm dở dang theo nhiều phương pháp. Tự động phân bổ chi phí cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

Phân hệ Thuế

Tự động lập bảng kê thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai... , in tờ khai, báo cáo thuế có mã vạch. Xuất khẩu báo cáo thuế định dạng XML, nộp báo cáo thuế qua mạng trực tiếp đến cơ quan thuế qua MTAX.VN.

Phân hệ Ngân sách

Lập dự toán chi ngân sách theo từng chi nhánh, phòng ban. Thống kê chi phí theo từng khoản mục chi phí. Phân tích hiệu quả quản lý chi phí của từng bộ phận, chi nhánh.

Phân hệ Tổng hợp

Tự động kết chuyển lãi lỗ để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Lập đồng thời 2 bộ sổ kế toán (Tài chính và Quản trị) trên cùng 1 dữ liệu. Tự động lập báo cáo tài chính tổng hợp cho công ty đa chi nhánh.

+ Phần mềm kế toán QLink :

Là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp trên Font chuẩn Unicode.



- Mô hình cấp dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ Tổng công ty - công ty thành viên- chi nhánh.

- Tính linh động, dễ chỉnh sửa: cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.

- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.

- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng 1 thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.

- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.

- Kết xuất dữ liệu ra bộ office dễ dàng, kết xuất trực tiếp qua HTTK, iHTKK, TaxOnline.

- Tích hợp trên nhiều hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win 7

- Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh,

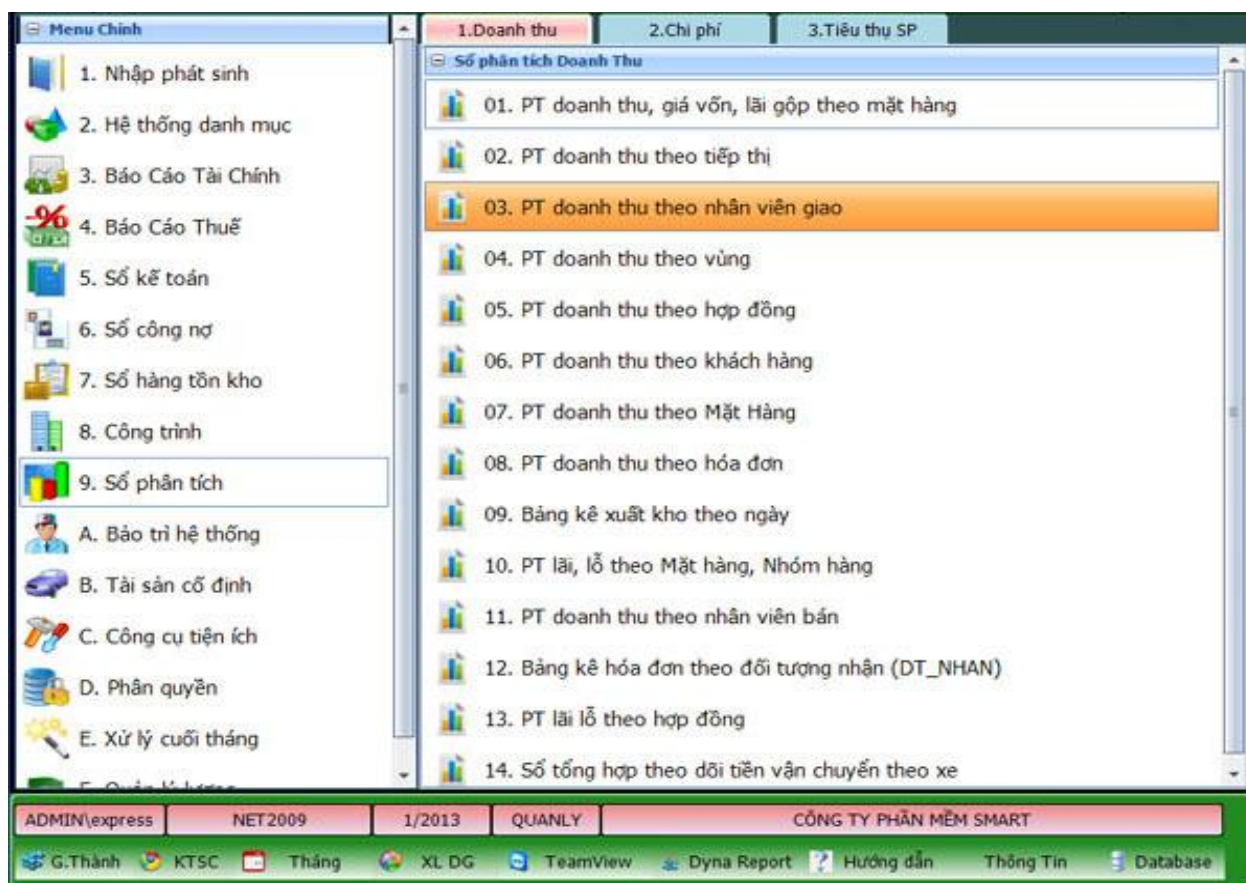
công ty con..)

Giá phần mềm Q.Link là 4.000.000

+ Phần mềm kế toán Smart Pro

- Lập trình trên công nghệ mới nhất Microsoft.NET, xử lý số liệu tốc độ cực nhanh và chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang 1 file khác dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất, không sợ virus làm hư data.

- Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được. Hình thức nhập liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình **một màn hình nhập liệu** mà không chia theo phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem.



Giá phần mềm 3.500.000

Theo em, để tiện sử dụng, giao diện đơn giản, quen thuộc và giá thành hợp lí,

Công ty nên lựa chọn sử dụng phần mềm kế toán MISA cho công tác kế toán trong doanh nghiệp của mình.

3.2.4.5. Hoàn thiện việc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

➤ **Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau :

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu của bên khách hàng về số tiền nợ bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố...

- Những khoản nợ trên 3 năm trở lên không có khả năng thu hồi nợ được xử lý xóa nợ.

➤ **Phương pháp lập dự phòng:**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố...thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi để được lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp

tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Tài khoản sử dụng: TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi

Kết cấu TK 139

➤ Bên nợ:

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

+ Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

➤ Bên có:

+ Số dự phòng phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý kinh doanh.

➤ Số dư bên có: Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có đầu hoặc cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán:

NV1: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay cao hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý kinh doanh phần chênh lệch.

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi

NV2: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải trích thêm phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.

Nợ TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

NV3: Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài

bảng cân đối kế toán)

NV4: Đối với những khoản nợ phải thu đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản nằm ngoài bảng cân đối kế toán)

➤ **Ví dụ minh họa:**

Từ bảng kê công nợ (Biểu 3.6) và dựa vào mức trích lập dự phòng theo quy định kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Biểu 3.7) vào ngày 31/12 như sau:

Biểu 3.3: Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A

Số 158A Trại Lẻ, Kênh Dương, Lê Chân, HP

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty CP Phú Vinh	215.161.000			215.161.000		15 tháng 10 ngày
Công ty TNHH DV và TM An Phú	113.262.000			113.262.000		20 tháng 02 ngày
Ông Đặng Văn Vinh	164.765.000	164.765.000				
Công ty TNHH Tiến Phát	128.283.000	128.283.000				
.....						
Công ty TNHH Thiên Ân	52.641.000			52.641.000		8 tháng
Tổng cộng	1.569.154.000	515.962.000	672.128.000	381.064.000		

Biểu 3.4: Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG S.V.A

Số 158A Trại Lê, Kênh Dương, Lê Chân, HP

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2014

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty CP Phú Vinh	215.161.000	15 tháng 10 ngày	50%	107.580.500
Công ty TNHH DV và TM An Phú	113.262.000	20 tháng 02 ngày	50%	56.631.000
Công ty TNHH Thiên Ân	52.641.000	8 tháng	30%	15.792.300
Tổng cộng	381.064.000			180.003.800

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 180.003.800

Có TK 139: 180.003.800

Kế toán lập phiếu cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách liên quan.

KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp xây dựng, Công ty phải tự tìm cho mình một hướng đi đúng đắn. Việc hạch toán kế toán có vai trò hết sức quan trọng và tích cực trong công tác điều hành, quản lý doanh nghiệp. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã góp phần vào việc cung cấp thông tin có độ tin cậy cao, nhằm phát hiện được những mặt mạnh, mặt yếu trong một chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy các yếu tố tích cực, khắc phục và cải tiến những khuyết điểm để duy trì phát triển doanh nghiệp, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần xây dựng S.V.A em đã có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Cùng với sự giúp đỡ hết sức tận tình của Ths. Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng S.V.A em đã hoàn tất khóa luận của mình. Qua bài khóa luận bằng sự kết hợp những kiến thức đã học ở trường với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, em nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác kế toán này. Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 05 tháng 7 năm 2015

Sinh viên

Vũ Thị Hải Yến

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính (2009), *Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*
4. Bộ tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*
5. Công ty cổ phần xây dựng S.V.A (2014), *Sổ sách kế toán Công ty*.